

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

2020

MỤC LỤC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

1. PHẦN MỞ ĐẦU

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH

4. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2021

5. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2. THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN CHUNG
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH
GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO VỊ THỂ
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
CÁC RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

6. QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BAN KIỂM SOÁT
GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BAN KIỂM SOÁT
TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

3. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

7. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

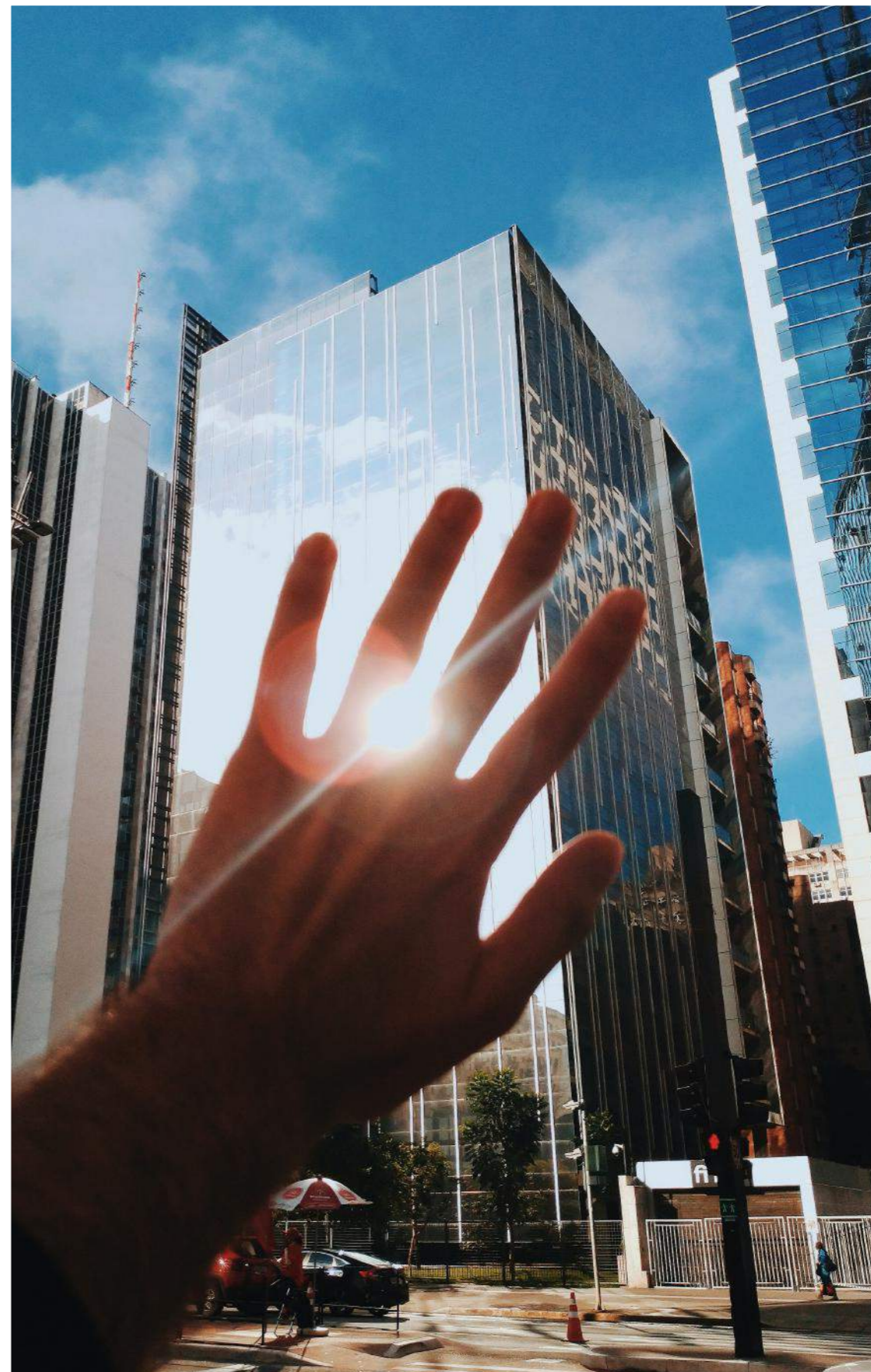
MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

8. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1

PHẦN MỞ ĐẦU

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH





Ông
NGUYỄN MINH CHUNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý vị, đối tác, khách hàng, toàn thể cán bộ công nhân viên Hanoi Toserco!

Năm 2020 với rất nhiều thay đổi, biến động trong bối cảnh tình hình kinh tế chính trị xã hội toàn cầu và tác động của nó với môi trường kinh doanh, thực sự là 1 năm đầy thử thách, đặc biệt đối với ngành du lịch dịch vụ diễn biến không mấy thuận lợi.

Dù vậy, kinh tế Việt Nam đã có những khởi sắc với tăng trưởng kinh tế vượt kỳ vọng, sự phát triển khả quan của một số lĩnh vực. GDP năm 2020 tăng 2,91% cụ thể sử tăng trưởng của các quý như sau: quý I tăng 3,68%; quý II tăng 0,39%; quý III tăng 2,69%; quý IV tăng 4,48%. Đây là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế – xã hội thì đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng năm 2020 thuộc nhóm cao nhất thế giới. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế theo giá hiện hành năm 2020 ước tính đạt 117,9 triệu đồng/lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ năm 2020 đạt 24,1%, cao hơn mức 22,8% của năm 2019. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2020 tăng 2,31% so với bình quân năm 2019.

Với sự nỗ lực và quyết tâm cao nhất, tận dụng tối đa những yếu tố thuận lợi, khắc phục mọi khó khăn thách thức, Hanoi Toserco đã giữ vững được sự ổn định và hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của năm 2020

đã đề ra. Doanh thu thuần năm 2020: đạt **68.264.490.021 VNĐ**, hoàn thành 76% so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế năm 2020: đạt **98.576.711.927 VNĐ**, đạt 130% so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế năm 2020: đạt **94.345.380.369 VNĐ** đạt 132,47% so với kế hoạch.

Không chỉ nỗ lực hoàn thành các mục tiêu tài chính, Hanoi Toserco luôn kiên trì mục tiêu phát triển bền vững, có trách nhiệm với xã hội, đảm bảo sự cân bằng lợi ích của doanh nghiệp, cổ đông và người lao động.

Năm 2021, dự báo diễn biến dịch Covid-19 trên thế giới còn tiếp tục phức tạp, bức tranh Du lịch Việt chưa có dấu hiệu tươi sáng trong tương lai gần. Trước bối cảnh đó, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể cán bộ nhân viên của Hanoi Toserco sẽ quyết tâm phát huy truyền thống đoàn kết, chung sức đồng lòng, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, với chiến lược kinh doanh được chuẩn bị kỹ lưỡng và phù hợp, đặc biệt với đội ngũ nhân sự có tâm huyết, trách nhiệm và luôn đoàn kết, tôi tin rằng chúng ta sẽ chèo lái Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và đạt được những kết quả tích cực trong năm 2021.

Thay mặt Hội đồng quản trị tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty đã luôn nỗ lực không ngừng, cống hiến tâm huyết vì sự phát

triển của Hanoi Toserco. Đặc biệt, tôi cũng xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến các Quý vị cổ đông, đối tác, khách hàng đã luôn tin tưởng, ủng hộ và đồng hành, đóng góp vào sự thành công và phát triển của Hanoi Toserco trong suốt những năm qua.

Tôi tin rằng, với giá trị và văn hóa của Hanoi Toserco, Công ty sẽ vượt qua mọi khó khăn thách thức, hướng đến sự phát triển bền vững và thịnh vượng trong tương lai.

Kính chúc Quý vị luôn Mạnh khỏe, Hạnh phúc và Thành công!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN MINH CHUNG

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2019	2020
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	163,97	168,77	68,26
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	128,36	135,56	44,55
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	35,61	33,21	23,72
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	92,82	85,23	98,80
Chi phí hoạt động	Tỷ đồng	29,01	27,28	23,89
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	99,42	91,16	98,63
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	Tỷ đồng	0,13	-1,87	-0,05
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	99,55	89,29	98,58
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	91,56	81,64	94,35

Bảng cân đối kế toán

Tổng tài sản	Tỷ đồng	911,13	890,90	883,72
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	748,00	748,00	748,00
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	859,08	842,14	858,42
Nợ phải trả	Tỷ đồng	52,04	48,76	25,30

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	%	10,66%	9,69%	10,99%
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	%	10,48%	9,16%	10,68%



2

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN CHUNG
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH
GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO
VỊ THẾ
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
CÁC RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội Mã số doanh nghiệp: 0100107155 Đăng ký lần đầu: ngày 20/10/2005 Đăng ký thay đổi lần thứ 5: ngày 12/03/2021 Nơi cấp: Sở KH & ĐT Thành phố Hà Nội
Vốn điều lệ Địa chỉ	748.000.000.000 VNĐ Số 273 phố Kim Mã, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
Số điện thoại Số fax Website	(024) 3726 2626 (024) 3726 2571 hanoitoserco.com.vn hanoitoserco.vn tosercohanoi.com
Người đại diện theo pháp luật	1. Ông Nguyễn Minh Chung - Chủ tịch HĐQT 2. Ông Nguyễn Kim Hà - Tổng Giám đốc TSJ
Mã cổ phiếu	



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

04/1988

Công ty Du lịch Dịch vụ Hà Nội (Hanoi Toserco) được thành lập theo quyết định số 1625/QĐ-UB ngày 14/04/1988 của UBND TP. Hà Nội

10/2013

Công ty đổi tên thành Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Hà Nội theo Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 17/06/2011 của UBND Thành phố Hà Nội

06/2015

UBND TP. Hà Nội ban hành quyết định số 2628/QĐ-UBND v/v điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội theo kết quả bán cổ phần khi thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Hà Nội với số vốn điều lệ là 748.000.000.000 đồng.

15/03/2016

Công ty chính thức chuyển đổi và hoạt động dưới mô hình Công ty Cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội.

07/2017

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã chấp thuận lưu ký chứng khoán lần đầu của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội với mã chứng khoán TSJ

10/2005

Công ty chuyển đổi mô hình thành Công ty TNHH NN MTV, là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Du lịch Hà Nội, hoạt động thí điểm theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con

03/2015

Công ty bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

12/2015

Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất

03/2017

UBCKNN ra công văn số 1069/UBCK-GSĐC chấp thuận Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội trở thành Công ty đại chúng.

08/2017

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội chính thức giao dịch lần đầu trên sàn Upcom với giá tham chiếu là 10.200 đồng/cổ phiếu

Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là: Kinh doanh cho thuê văn phòng; Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa; Đại lý vé máy bay và các dịch vụ liên quan.

Kinh doanh cho thuê văn phòng:

Đây là mảng kinh doanh chủ lực và có đóng góp lớn trong cơ cấu doanh thu hàng năm của Công ty. Hiện tại, Công ty đang kinh doanh cho thuê văn phòng tại 02 địa điểm chính là: Tòa nhà Toserco Building số 273 Kim Mã và Tòa nhà Vạn Phúc số 02 Núi Trúc.

Tòa nhà Toserco Building tại số 273 Kim Mã: có diện tích xây dựng 9.322m² với 07 tầng nổi và 01 tầng hầm. Trong đó, diện tích văn phòng cho thuê là 4.800m², diện tích mỗi sàn là 800m² được thiết kế hiện đại, diện tích cất thuê đa dạng và linh hoạt, đáp ứng tốt các nhu cầu của khách hàng.

Tòa nhà Vạn Phúc tại số 2 Núi Trúc: được đánh giá là có vị trí đắc địa tại địa bàn Quận Ba Đình, là nơi quy tụ nhiều công ty, tập đoàn lớn. Tòa nhà có diện tích xây dựng 3.044m² với 06 tầng nổi. Nhờ việc nâng cao chất lượng dịch vụ và quan tâm đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất kịp thời nên đây là nơi gắn bó của nhiều khách hàng truyền thống cũng như thu hút được nhiều khách hàng tiềm năng.

Bên cạnh kinh doanh văn phòng cho thuê tại 02 địa điểm chính là Tòa nhà Kim Mã và Núi Trúc, Công ty cũng đồng thời quản lý nhiều địa điểm kinh doanh nhỏ lẻ nằm rải rác ở địa bàn các quận: Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hai Bà Trưng,... đáp ứng các nhu cầu đa dạng của khách hàng.



Kinh doanh Đại lý vé máy bay và các dịch vụ liên quan:

Là đại lý bán vé chính thức của nhiều hãng hàng không lớn quốc tế như: Singapore Airlines, Cathay Pacific, Thai Airways,... và các hãng hàng không quốc nội như: Vietnam Airlines, Vietjet Air, Bamboo Airways,... Đồng thời cung cấp các dịch vụ kèm theo như: bảo hiểm du lịch, dịch vụ visa, đặt khách sạn... Với thế mạnh đội ngũ cán bộ, nhân viên giàu kinh nghiệm, được đào tạo bài bản, phong cách phục vụ chuyên nghiệp, trong suốt những năm qua Trung tâm dịch vụ, đại lý vé máy bay Hanoi Toserco luôn được là lựa chọn là nhà cung cấp tin cậy của nhiều khách hàng tổ chức và cá nhân. Trung tâm luôn góp phần quan trọng trong việc xây dựng và nâng cao giá trị thương hiệu của Hanoi Toserco.

Kinh doanh Tour du lịch:

Đây là mảng kinh doanh truyền thống, đóng góp tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của Công ty hàng năm. Với đội ngũ cán bộ nhân viên, hướng dẫn viên giàu kinh nghiệm, được đào tạo bài bản, Du lịch Hanoi Toserco đã tạo dựng cho mình trở thành một thương hiệu có uy tín đối với khách hàng.

Trong những năm qua, Du lịch Hanoi Toserco đã tổ chức và khai thác nhiều tour tuyến du lịch quốc tế và quốc nội có hiệu quả. Có thể kể đến một số tour du lịch quốc tế tiêu biểu đến Pháp-Bỉ-Hà Lan-Đức, Lào-Campuchia-Myanmar, Trung Quốc-Hồng Kông-Macao và các tour đến khu vực ĐNÁ, ĐBÁ; các tour du lịch nội địa được ưa chuộng tới các điểm như: Hạ Long, Sapa, Đà Nẵng, Phú Quốc, Miền Tây...

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn kinh doanh:

Trụ sở chính của Công ty tọa lạc tại số 273 Kim Mã, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội; Bên cạnh đó Công ty có nhiều mảng kinh doanh nằm tại nhiều địa điểm trên địa bàn Thủ đô Hà Nội và có 01 Chi nhánh tại số 348 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP Hồ Chí Minh (để đảm bảo hiệu quả của hoạt động kinh doanh trước tác động của dịch bệnh Covid, năm 2020 HĐQT đã ra nghị quyết chấm dứt hoạt động của Chi nhánh kể từ 01/10/2020).



Chức năng, nhiệm vụ trong cơ cấu tổ chức

Hội đồng quản trị:

07 người gồm: 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 04 thành viên.

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát:

03 người gồm: 01 trưởng ban, 02 thành viên. Ban kiểm soát là cơ quan kiểm soát hoạt động của Công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm.

Ban Tổng Giám đốc:

+ Tổng Giám đốc: là người đại diện theo pháp luật của Công ty, do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm; là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.

+ Phó Tổng giám đốc: là người giúp Tổng Giám đốc quản lý điều hành một hoặc một số lĩnh vực được Tổng Giám đốc phân công, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và trước pháp luật về lĩnh vực mình được phân công phụ trách.

+ Kế toán trưởng: Tham mưu cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty trong lĩnh vực Tài chính - Kế toán của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và Tổng giám đốc và trước Pháp luật về lĩnh vực tài chính kế toán.

Các phòng chuyên môn của Công ty: Gồm 5 phòng:

+ Phòng Nhân sự: là phòng chuyên môn, thực hiện chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác tổ chức, nhân sự, lao động, tiền lương; khen thưởng, kỷ luật, tranh chấp lao động,...

+ Phòng Tài chính kế toán: thực hiện chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng giám đốc trong lĩnh vực tài chính - kế toán của Công ty, kiểm soát các hoạt động kinh tế trong Công ty; quản lý chi phí của Công ty,...

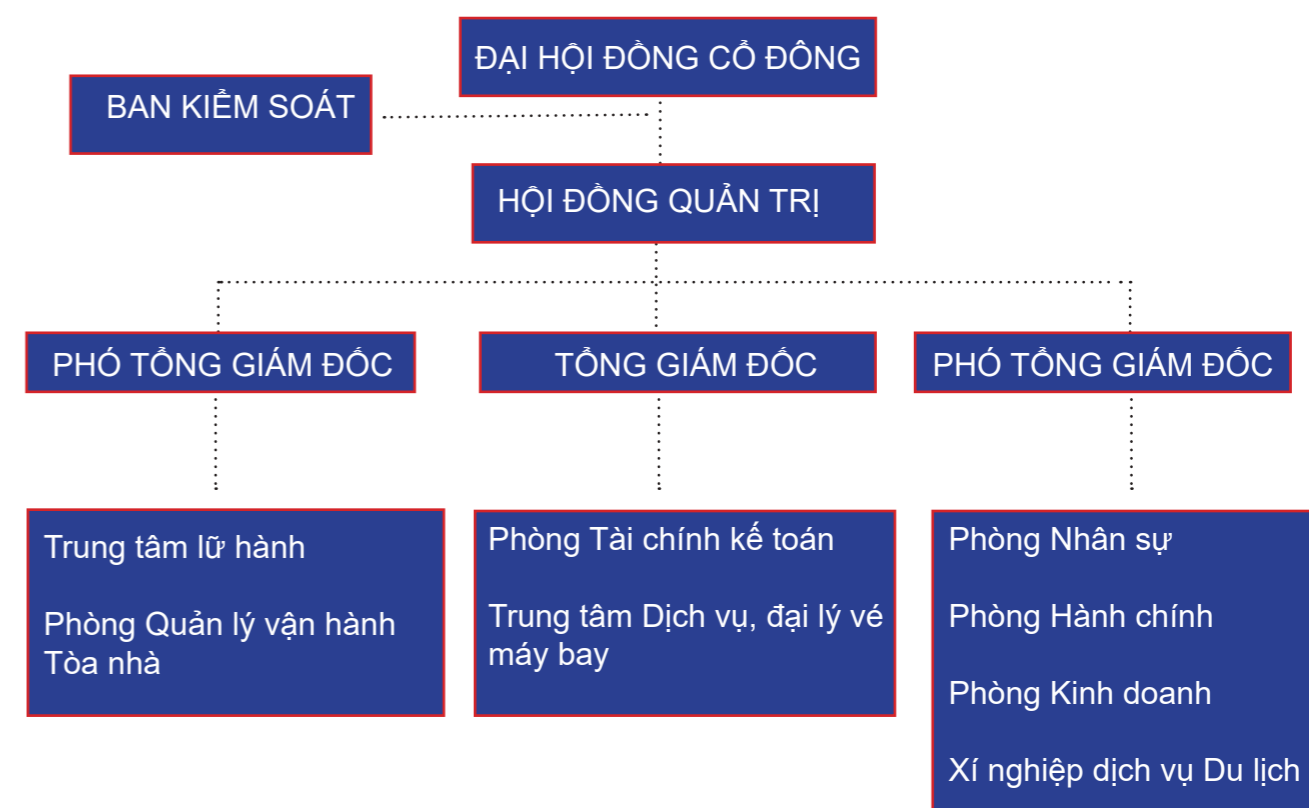
+ Phòng Hành chính: Tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng giám đốc về công tác quản trị hành chính văn phòng, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo hộ lao động, quản lý toàn bộ hồ sơ pháp lý nhà, đất của Công ty,...

+ Phòng Kinh doanh: Tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc về công tác kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà ở cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, kinh doanh dịch vụ cho thuê hội trường...

+ Phòng Quản lý vận hành tòa nhà: Tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc về công tác đầu tư cải tạo sửa chữa và nâng cấp cơ sở vật chất, hệ thống kỹ thuật của Công ty, công tác quản lý kỹ thuật, vận hành của tòa nhà văn phòng và các địa điểm kinh doanh trực thuộc Công ty, quản lý các đơn vị cung cấp dịch vụ cho tòa nhà (bảo vệ, vệ sinh, ...)



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC (tính đến ngày 31/12/2020)



Công ty liên doanh:

STT	Công ty liên doanh với nước ngoài	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Tỷ lệ sở hữu của TSJ
1	Công ty liên doanh khách sạn TNHH Hanoi Hotel	D8 Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	Khách sạn, dịch vụ	29,58%
2	Công ty TNHH Global Toserco	40 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	Khách sạn, văn phòng cho thuê	35%

Công ty liên kết, góp vốn:

STT	Công ty liên kết trong nước	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Tỷ lệ sở hữu của TSJ
1	CTCP Du lịch & Thương Mại Sao Phương Đông	269 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	Khách sạn, VP cho thuê, căn hộ	40%
2	CTCP Hanoitourist Taxi	105 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	Vận chuyển khách	5,2%

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông **NGUYỄN MINH CHUNG**

Chủ tịch HĐQT

Sinh năm: 1962

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Kế toán

Sở hữu đại diện phần vốn Nhà nước: **20.944.000** cổ phần, chiếm tỷ lệ: **28%**

Quá trình công tác:

01/2003 - 05/2004: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh KS Thống Nhất Metropole

06/2004 - 05/2006: Trưởng phòng Nghiên cứu & Phát triển thị trường, UV HĐQT, Phó TGD Công ty LD Khách sạn Thống nhất Metropole Tổng công ty Du lịch Hà Nội

06/2006 - 09/2015: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Du lịch Hà Nội

09/2015 - Nay: Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Du lịch Hà Nội

26/12/2015 - Nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Du lịch Dịch vụ Hà Nội



Bà **NGUYỄN THỊ NGÀ**

Phó Chủ tịch HĐQT

Sinh năm: 1955

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

2009 - Nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn BRG

2007 - Nay: Chủ tịch/Phó Chủ tịch HĐQT thường trực Ngân hàng TMCP Đông Nam Á

26/12/2015 - Nay: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Du lịch Dịch vụ Hà Nội



Ông **LÊ MINH THÀNH**

Phó Chủ tịch HĐQT

Sinh năm: 1984

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

2009 - 2011: Tổng Giám đốc Viet Tin/Logan-Rockefeller Global Capital Management

2009 - Nay: Chủ tịch HĐQT Leadvisors Capital Management

2013 - Nay: Thành viên Hội đồng sáng lập Vietnam Startup Foundation (NPO)

2014 - Nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP 184 Hà Nội

26/12/2015 - Nay: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Du lịch Dịch vụ Hà Nội



Bà **LÊ THANH HÀ**

Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1969

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Du lịch, Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

09/2006 - 06/2007: Trưởng phòng Quản lý Khách sạn - Sở Du lịch Hà Nội

06/2007 - 05/2008: Trưởng phòng Quản lý Lữ hành và Xúc tiến du lịch - Sở Du lịch Hà Nội

01/2012 - 02/2014: Phó Tổng Giám đốc Công ty liên doanh SAS Hanoi Royal Hotel

03/2014 - 06/2017: Phó phòng Phòng Đầu tư phát triển - Tổng công ty Du lịch Hà Nội

07/2017 - Nay: Phó Tổng Giám đốc Thứ nhất Công ty TNHH Global Toserco

12/2015 - Nay: Thành viên HĐQT CTCP Du lịch Dịch vụ Hà Nội



Ông **TRẦN NGỌC TIẾN**

Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1960

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Sở hữu cá nhân: **4.200** cổ phần, chiếm tỷ lệ: **0,0056%**

Sở hữu đại diện phần vốn Nhà nước: **12.859.000** cổ phần, chiếm tỷ lệ **17,19%**

Quá trình công tác:

02/1994 - 12/1995: Phó Quản đốc khối Dịch vụ nhà Công ty Kinh doanh nhà và Dịch vụ - Hanoi Toserco

01/1996 - 05/2006: Phó Giám đốc Trung tâm Dịch vụ nhà - Hanoi Toserco

05/2006 - 03/2012: Trưởng phòng Phòng Đầu tư thẩm định - Hanoi Toserco

03/2012 - 15/03/2016: Phó Tổng Giám đốc Công ty, kiêm Giám đốc Trung tâm Nhà và Dịch vụ Hanoi Toserco

15/03/2016 - Nay: Thành viên HĐQT, kiêm Phó TGD (từ 01/01/2017- 31/10/2020) CTCP Du lịch Dịch vụ Hà Nội



Bà **VŨ THỊ QUỲNH TRANG**

Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1976

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

1999 - 2003: Phụ trách nhóm Kiểm toán Công ty tư vấn Tài chính & Kiểm toán Grant Thornton (Vietnam) Ltd.

2003 - 2006: Kế toán Tổng hợp Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Hà Nội

2006 - 05/2011: Phó Giám đốc - Phụ trách DV Kế toán và Thuế CTCP Tập đoàn Nguồn lực Việt

06/2011 - nay: Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ CTCP Tập đoàn BRG

26/06/2017 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Du lịch Dịch vụ Hà Nội





Bà NGUYỄN THỊ NGỌC ANH

Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1970

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

2005 - Nay: Giám đốc CTCP Phát triển TN

28/06/2019 - Nay: Thành viên HĐQT CTCP Du lịch Dịch vụ Hà Nội

DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT

Ông TRẦN XUÂN SƠN

Trưởng Ban kiểm soát

Sinh năm: 1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Sở hữu cá nhân: 1.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,002%

Quá trình công tác:

04/2007 - 08/2009: Phó phòng Phòng Đại lý vé Máy bay - Hanoi Toserco

08/2009 - 05/2013: Phó phòng, kiêm Phụ trách Kế toán Trung tâm Lữ hành Phòng Tài vụ Kế hoạch - Hanoi Toserco

06/2013 - 25/08/2013: Phó Giám đốc Trung tâm Lữ hành - Hanoi Toserco

26/08/2013 - 14/03/2016: Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Hà Nội

15/03/2016 - Nay: Kiểm soát viên; Trưởng ban Kiểm soát (từ 26/12/2015) CTCP Du lịch Dịch vụ Hà Nội



Bà ĐÀO THỊ HIỀN

Thành viên Ban kiểm soát

Sinh năm: 1987

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính- Ngân hàng

Quá trình công tác:

2010 - 2013: Kế toán, kiêm Thư ký Giám đốc Công ty TNHH Yến Ngọc

2013 - 2014: Thư ký Phó TGD khối Tài chính Ngân hàng TMCP Nam Á

26/12/2015 - Nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Du lịch Dịch vụ Hà Nội



Bà NGUYỄN THỊ HIỀN

Thành viên Ban kiểm soát

Sinh năm: 1988

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

01/07/2010 - 31/12/2013: Kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương

05/01/2014 - 30/04/2015: Kiểm soát viên nội bộ CTCP Thực phẩm sữa TH (TH True Milk)

04/2015 - Nay: Trưởng phòng PTTC & HĐQT CTCP Tập đoàn BRG

04/09/2018 - Nay: Thành viên Ban kiểm soát Hanoi Toserco



DANH SÁCH BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông NGUYỄN KIM HÀ

Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1956

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại ngữ

Quá trình công tác:

1998 - Nay: Giám đốc/Tổng Giám đốc Công ty Khách sạn Du lịch Thăng Lợi

09/2017 - 10/2017: Phó Tổng Giám đốc Hanoi Toserco

10/2017 - Nay: Tổng Giám đốc Hanoi Toserco



Ông TRỊNH MINH TÚ

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1970

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Sở hữu cá nhân: 1.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0,003%

Quá trình công tác:

04/2007 - 08/2009: Phó phòng Phòng Tổ chức Hành chính CTCP Du lịch Dịch vụ Hà Nội

08/2009 - 02/2012: Giám đốc Trung tâm Trung tâm Lữ hành CTCP Du lịch Dịch vụ Hà Nội

03/2012 - 04/2018: Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Trung tâm Lữ hành Hanoi Toserco

04/2018 - Nay: Phó Tổng Giám đốc Hanoi Toserco



Bà VŨ HOÀI CHÂU

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1976

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế đối ngoại; Cử nhân QTKD Du lịch; Cử nhân Anh ngữ

Sở hữu cá nhân: 5.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,007%

Quá trình công tác:

1997 - 2008: Chuyên viên phụ trách hoạt động cho thuê văn phòng Trung tâm dịch vụ Nhà - Hanoi Toserco

2008 - 05/2011: Chuyên viên phụ trách công tác tiền lương và chế độ cho NLĐ Phòng Tổ chức Hành chính - Hanoi Toserco

06/2011 - 09/2016: Phó phòng Phòng Tổ chức Hành chính CTCP Du lịch Dịch vụ Hà Nội

09/2016 - 15/01/2020: Trưởng phòng Phòng Nhân sự CTCP Du lịch Dịch vụ Hà Nội

15/01/2020 - Nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Du lịch Dịch vụ Hà Nội



Ông TRẦN NGỌC TIẾN (xem thông tin TV HĐQT)

Phó Tổng Giám đốc



PHÂN TÍCH SWOT

Điểm mạnh

Hanoi Toserco tiền thân là Công ty Du lịch Dịch vụ Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 14/04/1988 của UBND TP. Hà Nội bởi vậy Công ty đã trải qua quá trình hình thành và phát triển lâu đời với những kết quả tích cực đã đạt được.

Hanoi Toserco đã trở thành một thương hiệu quen thuộc và có uy tín trong ngành Du lịch của Thủ đô.

Danh mục sản phẩm, dịch vụ đa dạng và phong phú đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Bộ phận nghiên cứu và phát triển sản phẩm có kinh nghiệm và năng lực.

Ban Điều hành có năng lực và nhiều kinh nghiệm trong ngành du lịch dịch vụ, am hiểu thị trường, góp phần đề ra các chiến lược phát triển bền vững cho Công ty.

Điểm yếu

Trong năm 2020 ảnh của dịch bệnh Covid-19 với những diễn biến phức tạp, khó lường, lượng khách du lịch trong và ngoài nước giảm mạnh đã tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do đây là yếu tố khách quan chưa từng có tiền lệ nên sự chủ động ứng phó của Công ty gặp không ít khó khăn.

Sự tăng trưởng mạnh và liên tục trong những năm vừa qua tạo áp lực lên hệ thống quản lý và nhân sự của công ty. Đội ngũ kế thừa có đầy đủ năng lực nhưng còn hạn chế.

Nhiều sản phẩm, dịch vụ mới đã nghiên cứu nhưng chưa tung được ra thị trường.

Cơ hội

Việt Nam với vị trí thuận lợi về địa lý, khí hậu và điều kiện tự nhiên, bao gồm cả một đường bờ biển dài hơn 3.000 km, có hơn 125 bãi biển và nằm trong danh sách 12 quốc gia hàng đầu cho những vịnh đẹp nhất trên thế giới, có hơn 3.000 cảnh quan và di tích lịch sử được liệt kê là di sản quốc gia.

Nước ta có 54 dân tộc anh em đó cho thấy sự đa dạng về bản sắc văn hóa vô cùng phong phú. Mỗi vùng miền, mỗi dân tộc đều có bản sắc văn hóa, phong tục tập quán, lối sống riêng khác nhau tạo thành nét cuốn hút riêng. Với tiềm năng du lịch đa dạng và phong phú, ngành Du lịch được Đảng và Nhà nước dành nhiều sự quan tâm đặc biệt thông qua việc ban hành nhiều chính sách nhằm thúc đẩy Du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Công ty có nhiều cơ hội để mở rộng thị trường, quy mô và phạm vi hoạt động trong nước và nước ngoài.

Thách thức

Tình hình dịch bệnh Covid-19 trên thế giới và trong nước dự báo vẫn diễn biến phức tạp và luôn tiềm ẩn nguy cơ rủi ro ảnh hưởng trực tiếp đến ngành du lịch, dịch vụ.

Sự biến đổi khí hậu, vấn đề nóng lên toàn cầu đang ảnh hưởng đến toàn bộ hệ sinh thái của nước ta.

Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các công ty trong cùng ngành nghề.



VỊ THẾ

- Với bề dày lịch sử phát triển, Hanoi Toserco là một trong những đơn vị có những đóng góp nhất định cho sự phát triển của Tổng Công ty Du lịch Hà Nội và ngành du lịch Thủ đô. Để có được điều này, Công ty luôn chú trọng phát triển nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng dịch vụ mà công ty cung cấp, tạo nên một thương hiệu có uy tín trên thị trường.

- Hiện tại vẫn là giai đoạn khó khăn của ngành du lịch nói riêng và nền kinh tế nói chung do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 kéo dài. Tuy nhiên, nhìn nhận được những cơ hội từ thị trường mang lại, Công ty xác định tập trung xây dựng kế hoạch và định hướng phát triển phù hợp, chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nghiên cứu áp dụng các giải pháp mới nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và hiệu quả kinh doanh, hướng đến sự phát triển của Hanoi Toserco bền vững và thịnh vượng.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Củng cố năng lực quản lý hiệu quả của bộ máy lãnh đạo, áp dụng những công nghệ tiên tiến để phù hợp với cuộc cách mạng 4.0.
- Thực hiện tốt trách nhiệm cộng đồng, trách nhiệm xã hội và môi trường.
- Là doanh nghiệp đáp ứng sự thỏa mãn của khách hàng về chất lượng và giá cả.
- Trở thành một doanh nghiệp có môi trường làm việc mà tại đó nhân viên có thể phát huy tốt nhất khả năng, đóng góp vào thành tựu chung.

Các mục tiêu phát triển bền vững:

- Đẩy mạnh cải tạo và nâng cấp hệ thống văn phòng cho thuê, nghiên cứu phát triển thêm các sản phẩm du lịch mới,... làm cơ sở cho việc đẩy mạnh mở rộng hệ thống kinh doanh dịch vụ để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng đã đề ra.
- Mở rộng kinh doanh, hợp tác liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước, đầu tư phát triển SXKD với nguyên tắc có định hướng, có chọn lọc, hiệu quả đầu tư cao, phù hợp với năng lực, trình độ, cơ sở vật chất và tài chính của Công ty.



CÁC RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

Rủi ro Kinh Tế

Năm 2020 tốc độ tăng trưởng kinh tế của nước ta là 2,91%. Với sự tăng trưởng chung của toàn nền kinh tế thì khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,68%, đóng góp 13,5% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,98%, đóng góp 53%; khu vực dịch vụ tăng 2,34%, đóng góp 33,5%.

Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động thương mại, dịch vụ. Với sự phát triển của ngành du lịch và dịch vụ trong giai đoạn từ năm 2011- 2020 thì năm 2020 đạt mức tăng trưởng thấp nhất. Theo Tổng cục thống kê thì đóng góp của một số ngành dịch vụ thị trường có tỷ trọng lớn vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của năm 2020 như sau: Bán buôn và bán lẻ tăng 5,53% so với năm trước, đóng góp 0,61 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 6,87%, đóng góp 0,46 điểm phần trăm; ngành vận tải, kho bãi giảm 1,88%, làm giảm 0,06 điểm phần trăm; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 14,68%, làm giảm 0,62 điểm phần trăm. Năm 2020, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trên thế giới nhưng được kiểm soát tốt trong nước nên hoạt động thương mại và dịch vụ tiêu dùng vẫn đạt mức tăng cao trong những tháng cuối năm; hoạt động vận tải trong nước đang dần phục hồi nhưng vận tải ngoài nước và du lịch còn gặp nhiều khó khăn.

Năm 2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 5.059,8 nghìn tỷ đồng, tăng 2,6% so với năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá giảm 1,2% (năm 2019 tăng 9,5%).

Tính chung năm 2020, vận tải hành khách đạt 3.561,9 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 29,6% so với năm trước (năm 2019 tăng 11%) và luân chuyển 163 tỷ lượt khách.km, giảm 34,1% (năm 2019 tăng 10,9%). Vận tải hàng hóa quý IV năm nay ước tính đạt 508,7 triệu tấn hàng hóa, tăng 0,7% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 95,8 tỷ tấn.km, giảm 3,7%. Tính chung cả năm 2020, vận tải hàng hóa đạt 1.774,6 triệu tấn hàng hóa vận

chuyển, giảm 5,2% so với năm trước (năm 2019 tăng 9,7%) và luân chuyển 339,4 tỷ tấn.km, giảm 6,7% (năm 2019 tăng 7,8%). Khách quốc tế đến nước ta ước tính đạt 3.837,3 nghìn lượt người, giảm 78,7% so với năm trước.

Rủi ro ngành

Du lịch là một ngành có tính thời vụ. Nhu cầu du lịch trong nước hàng năm thường tăng cao vào tháng 6 tới tháng 8 và những đợt nghỉ Lễ. Đây là những giai đoạn cao điểm và thường đem lại doanh thu và lợi nhuận cao cho Công ty. Ngược lại, vào các tháng còn lại trong năm, nhu cầu du lịch thường có xu hướng giảm sút. Du lịch Việt Nam trong thời kỳ dịch Covid-19 đã bộc lộ nhiều điểm yếu và hạn chế cần giải quyết, qua đó cho chúng ta thấy những bài học đắt giá trong phát triển du lịch. Dịch Covid-19 trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp, khó lường, thời điểm kiểm soát hoàn toàn dịch bệnh trên toàn cầu chưa được xác định. Trong bối cảnh này cũng như định hướng phát triển những năm tiếp theo, ngành du lịch Việt Nam cần tập trung vào một số vấn đề như: cơ cấu lại thị trường khách du lịch theo hướng bền vững, hiệu quả nhằm vào thị trường khách chất lượng cao, lưu trú dài ngày, chi tiêu cao; phát triển sản phẩm, dịch vụ mới, liên kết đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm phù hợp với từng phân đoạn thị trường; đẩy mạnh hợp tác công tư, liên kết vùng giữa các địa phương, đi đến trong hợp tác phát triển du lịch; chuyển đổi số trong phát triển du lịch, nhất là trong quản lý, kinh doanh, trong nghiên cứu thị trường, trong tiếp thị và bán sản phẩm du lịch.

Rủi ro môi trường

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ nên Công ty chịu ảnh hưởng nhiều từ các yếu tố rủi ro như: môi trường, thiên tai, dịch bệnh... Đầu năm 2020 thực trạng dịch bệnh Corona bùng phát khắp nơi trên thế giới, ngành du lịch Việt Nam nói chung và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng sẽ có sự sụt giảm đáng kể so với năm 2019.

Rủi ro đối thủ cạnh tranh

Việt Nam có một thị trường hấp dẫn khách du lịch, đang trên đà tăng trưởng nhanh. Điều này cũng dẫn tới sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt giữa các công ty du lịch. Với thời đại toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0, các công ty du lịch truyền thống phải đối mặt với nhiều đối thủ mới, từ những công ty nổi tiếng trong và ngoài nước với những nền tảng ứng dụng đặt dịch vụ (du lịch, khách sạn, vé máy bay...) rất tiện dụng và cạnh tranh. Tất cả những điều này đều ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty và buộc Công ty phải đổi mới để đáp ứng mọi yêu cầu trong thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa này.



3

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Thông tin ngành

Ngay từ những ngày đầu năm 2020, Việt Nam hồ hởi đón chào khách du lịch quốc tế với sự tự tin và quyết tâm đã tạo nên những dấu mốc ấn tượng trong năm cuối cùng thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội giai đoạn 5 năm (2016-2020).

Ngành Du lịch kỳ vọng sẽ đón tiếp khoảng 20 triệu lượt khách quốc tế trong năm. Lần đầu tiên Việt Nam đón lượng khách quốc tế kỷ lục trong tháng 1/2020 với hai triệu lượt khách. Tuy nhiên đến cuối tháng Hai, dịch Covid-19 bùng phát trên thế giới đã ngay lập tức ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động du lịch. Kể từ ngày 28/1/2020, chính phủ Trung Quốc đã ra lệnh cấm toàn bộ các hoạt động du lịch nội địa và du lịch nước ngoài gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới những quốc gia đón nhiều khách Trung Quốc như các nước Đông Nam Á, Hàn Quốc, Nhật Bản... Từ tháng Ba đến hết năm 2020, Việt Nam không mở cửa du lịch quốc tế, ngành Du lịch đối mặt với những khó khăn chưa từng xảy ra trước đó. Số lượt khách quốc tế đến Việt Nam cả năm 2020 chỉ đạt 3,8 triệu lượt người, giảm 78,7% so với năm trước, trong đó hơn 96% là khách quốc tế đến trong quý I/2020; từ quý II đến nay chủ yếu là các chuyên gia, lao động kỹ thuật nước ngoài làm việc tại các dự án ở Việt Nam (Theo tổng cục thống kê, 2020)



Nguồn: Số liệu Tổng cục thống kê



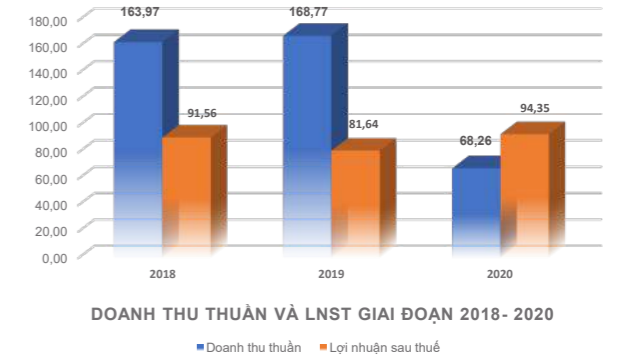
Ở trong nước, mặc dù dịch Covid-19 nhanh chóng được kiểm soát tốt, du lịch nội địa vẫn hoạt động nhưng liên tục bị gián đoạn bởi các đợt giãn cách xã hội khi dịch bùng phát. Các doanh nghiệp ngành Du lịch, lữ hành điều chỉnh, nhiều doanh nghiệp ngừng hoạt động; các khách sạn phải đóng cửa. Hoạt động du lịch bị đình trệ đã dẫn tới doanh thu du lịch lữ hành năm 2020 ước tính chỉ đạt 17,9 nghìn tỷ đồng, giảm 59,5% so với năm trước. Nhiều địa phương có doanh thu du lịch lữ hành năm 2020 giảm mạnh như: Khánh Hòa giảm 85,1%; Quảng Nam giảm 78,7%; thành phố Hồ Chí Minh giảm 76,7%; Đà Nẵng giảm 73,3%; Bà Rịa – Vũng Tàu giảm 64,3%; Bình Dương giảm 60,1%; Quảng Bình giảm 58,2%; Cần Thơ giảm 55,3%; Hà Nội giảm 48,4%; Bình Định giảm 40,1%. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống năm nay ước tính cũng chỉ đạt 510,4 nghìn tỷ đồng, giảm 13% so với năm trước (Theo tổng cục thống kê, 2020).

Năm 2020 dịch bệnh Covid-19 làm cho ngành du lịch đối mặt với những khó khăn chồng chất đã buộc ngành Du lịch phải chuyển hướng tập trung khai thác và phát triển du lịch nội địa, nhờ đó trở thành giải pháp cứu cánh cho doanh nghiệp lữ hành tồn tại trong giai đoạn dịch bệnh. Ngành Du lịch đã 2 lần phát động Chương trình kích cầu du lịch nội địa; lần thứ nhất vào tháng 5/2020 với chủ đề “Người Việt Nam đi du lịch Việt Nam và lần thứ hai vào tháng 9/2020 với chủ đề “Du lịch Việt Nam an toàn, hấp dẫn”. Mặc dù sự hồi sinh của du lịch trong nước có thể chưa đủ để thúc đẩy hoạt động của toàn bộ ngành du lịch nhưng nó có thể giữ chân các doanh nghiệp nhỏ hoạt động và kích thích nền kinh tế địa phương, làm giảm tác động tiêu cực của dịch bệnh tới nền kinh tế nói chung cho đến khi du lịch quốc tế hoạt động trở lại.

Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch năm 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2020	TH năm 2020	TH 2020/KH 2020 (%)
Doanh thu thuần	đồng	90.000.000.000	68.264.490.021	-24,15%
Lợi nhuận trước thuế	đồng	76.000.000.000	98.576.711.927	29,71%
Lợi nhuận sau thuế	đồng	71.220.000.000	94.345.380.369	32,47%

Kết thúc năm 2020 doanh nghiệp đã phải đối mặt với nhiều khó khăn do ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19 bởi vậy doanh thu thuần đạt được so với kế hoạch đặt ra trong năm 2020 giảm 24,15%. Tuy nhiên lợi nhuận kế toán trước thuế lại đạt được vượt kế hoạch đề ra tăng 29,71% cùng với đó lợi nhuận sau thuế tăng 32,47% đạt vượt kế hoạch. Điều đó cho thấy mặc dù doanh thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm 2020 giảm do dịch bệnh Covid-19 nhưng công ty lại bù đắp được bằng các khoản doanh thu từ các nguồn thu khác.



Bảng chỉ tiêu kết quả kinh doanh giai đoạn 2018-2020

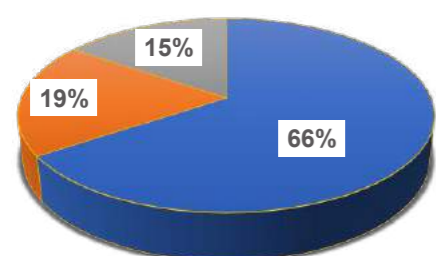
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	% Tăng trưởng trung bình
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	911,13	890,90	883,72	-1,01%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	163,97	168,77	68,26	-25,33%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	99,42	91,16	98,63	-0,27%
4	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	92,82	85,23	98,80	2,10%
5	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	0,13	(1,87)	(0,05)	-174,25%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	99,55	89,29	98,58	-0,33%
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	91,56	81,64	94,35	1,00%

Ta có thể thấy dịch bệnh năm 2020 ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của Công ty. Trong giai đoạn từ năm 2018 đến 2020 tình hình kinh doanh của Công ty cụ thể như sau: Tổng tài sản giảm 1,01% so năm 2018 tuy nhiên không đáng kể. Đáng chú ý trong giai đoạn này, doanh thu thuần giảm mạnh đặc biệt năm 2020 doanh thu thuần đạt được thấp hơn nhiều so với 2 năm còn lại (năm 2018 đạt 163,97 tỷ đồng; năm 2019 đạt 168,77 tỷ đồng; năm 2020 đạt 68,26 tỷ đồng). Ngược lại lợi nhuận từ hoạt động tài chính của Công ty có xu hướng tăng và tăng 2,10% trong giai đoạn 2018-2020. Điểm nổi bật là lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2020 tăng so với năm 2019, năm 2018 (năm 2020 đạt 94,35 tỷ đồng; năm 2019 đạt 81,64 tỷ đồng; năm 2018 đạt 91,56 tỷ đồng), đây là một dấu hiệu tích cực về hoạt động kinh doanh của Công ty.

Cơ cấu doanh thu

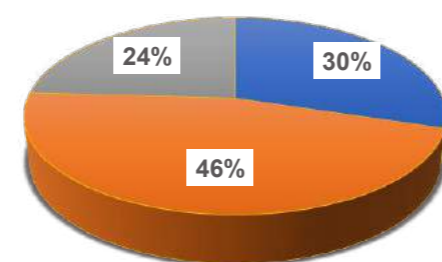
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Doanh thu thuần		
			TH 2019	TH 2020	Tăng trưởng (%)
1	Hoạt động cho thuê văn phòng	Tỷ đồng	50,278	46,292	-7,93%
2	Hoạt động vận hành tour du lịch	Tỷ đồng	77,871	13,401	-82,79%
3	Hoạt động từ đại lý vé máy bay	Tỷ đồng	40,623	10,894	-73,18%
TỔNG		Tỷ đồng	168,772	70,587	-58,14%

Cơ cấu doanh thu 2020



- Hoạt động cho thuê văn phòng
- Hoạt động vận hành tour du lịch
- Hoạt động từ đại lý vé máy bay

Cơ cấu doanh thu 2019



- Hoạt động cho thuê văn phòng
- Hoạt động vận hành tour du lịch
- Hoạt động từ đại lý vé máy bay

Doanh thu của Công ty có sự thay đổi rõ rệt so với năm 2019 cụ thể: năm 2019 doanh thu của công ty chủ yếu đến từ hoạt động vận hành tour du lịch chiếm đến 46%. Tuy nhiên năm 2020 doanh thu của Công ty lại chủ yếu thu từ hoạt động cho thuê văn phòng chiếm đến 66%, trong khi doanh thu từ hoạt động vận hành tour du lịch giảm hơn một nửa chỉ chiếm 19%. Điều đó cho thấy rằng dịch bệnh Covid-19 trong năm đã làm thay đổi nguồn thu của Công ty, các hoạt động về du lịch cùng với hoạt động từ đại lý vé máy bay giảm mạnh trong năm.



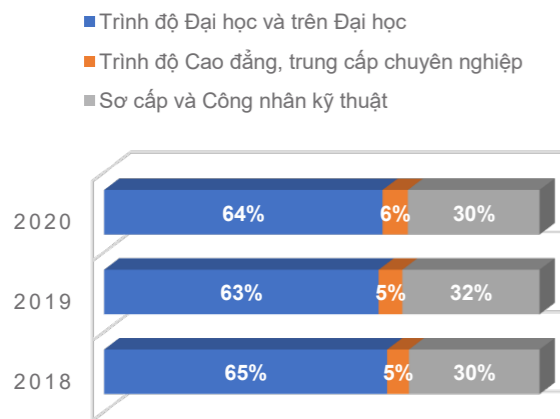
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Cơ cấu nhân sự

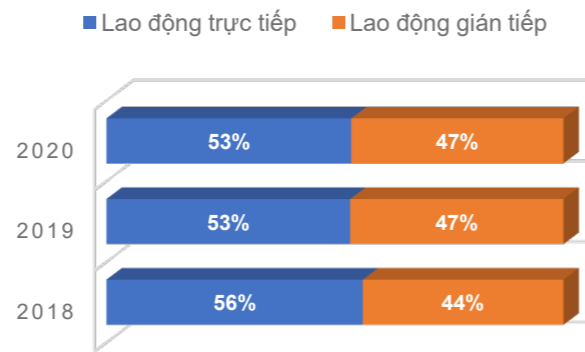
STT	Tiêu chí	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I Theo trình độ lao động							
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	65	65,0%	58	63,0%	55	64,0%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	5	5,0%	5	5,4%	5	5,8%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	30	30,0%	29	31,5%	26	30,2%
4	Lao động phổ thông						
II Theo đối tượng lao động							
1	Lao động trực tiếp	56	56,0%	49	53,3%	46	53,5%
2	Lao động gián tiếp	44	44,0%	43	46,7%	40	46,5%
III Theo giới tính							
1	Nam	51	51,0%	48	52,2%	46	53,5%
2	Nữ	49	49,0%	44	47,8%	40	46,5%
IV Theo thời hạn HĐLĐ							
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm						
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	6	6,0%	4	4,3%	5	5,8%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	94	94,0%	88	95,7%	81	94,2%
V Theo cấp quản lý							
1	Quản lý cấp cao	5	5,0%	5	5,4%	5	5,8%
2	Quản lý cấp trung	11	11,0%	12	13,0%	10	11,6%
3	Quản lý cấp chi nhánh	1	1,0%	1	1,1%	-	-
4	Chuyên viên, nhân viên	83	83,0%	74	80,4%	71	82,6%
VI Theo độ tuổi							
1	Từ 18 đến 25 tuổi					1	1,2%
2	Từ 26 đến 35 tuổi	6	6,0%	5	5,4%	5	5,8%
3	Từ 36 đến 45 tuổi	41	41,0%	37	40,2%	28	32,6%
4	Trên 45	53	53,0%	50	54,3%	52	60,5%
Tổng		100		92		86	

Cơ cấu lao động của Công ty qua các năm không có sự thay đổi nhiều. Cơ cấu theo trình độ lao động thì trình độ lao động đại học và trên đại học vẫn chiếm tỷ trọng vẫn qua các năm nằm trong khoảng 63% đến 65% từ 2018 đến 2020. Đối với cơ cấu lao động theo đối tượng lao động thì lao động trực tiếp và lao động gián tiếp của Công ty vẫn chiếm tỷ trọng khá cân bằng: tỷ lệ lao động trực tiếp có sự giảm nhẹ qua các cụ thể năm 2018 là 56% giảm 3% đến năm 2020 là 53% đồng nghĩa với điều đó tỷ lệ lao động gián tiếp sẽ tăng lên từ 44% năm 2018 tăng 3% lên 47% năm 2020. Điều đó chứng tỏ chính sách về lao động của Công ty đang có sự điều chỉnh để phù hợp hơn với tình hình phát triển kinh doanh với kỳ vọng sự thay đổi này sẽ mang lại được kết quả đáng mong đợi.

CƠ CẤU THEO TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG



CƠ CẤU THEO ĐỐI TƯỢNG LAO ĐỘNG



Chính sách đối với người lao động

Chính sách đào tạo

Nhân viên của Công ty không những cần có hiểu biết về nghiệp vụ du lịch, mà còn phải hiểu biết về văn hóa, đặc điểm của những vùng miền, địa phương, đất nước là điểm đến của các tour du lịch được khai thác. Đồng thời phải nhạy bén nắm bắt được nhu cầu và xu hướng trong thị hiếu du lịch của khách hàng để có thể thiết kế tour du lịch sao cho hấp dẫn nhất với khách hàng. Do đó, Công ty rất chú trọng việc đào tạo kỹ năng cho nhân viên. Bên cạnh việc tổ chức hình thức đào tạo tại chỗ, Công ty cũng thường xuyên hỗ trợ tài chính và tạo điều kiện về thời gian để cán bộ nhân viên và người lao động tham gia các khóa học nghiệp vụ ngắn hạn; các khóa tập huấn, phổ biến chính sách mới do các cơ quan, ban ngành tổ chức nhằm nâng cao trình độ, đáp ứng tốt các yêu cầu công việc thực tế.

Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ làm việc 8h/ngày, không quá 48h/tuần. Công ty luôn đảm bảo các nhân viên có trang thiết bị làm việc đầy đủ, hiện đại. Bên cạnh đó, Công ty cũng xây dựng một môi trường làm việc an toàn,

chuyên nghiệp, năng động cho nhân viên, thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ vào các dịp như ngày Phụ nữ Việt Nam, ngày Quốc tế Phụ nữ, ngày Quốc tế lao động, ...

Chính sách lương, thưởng,

Công ty áp dụng chính sách trả lương, chính sách khen thưởng nhằm khuyến khích hiệu quả kinh doanh của các đơn vị, tạo động lực cho người lao động làm việc tích cực hơn. Ngoài ra, Công ty còn áp dụng các chính sách thưởng như tháng lương thứ 13, thưởng vào các ngày lễ, Tết.

Chế độ bảo hiểm, trợ cấp

Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty thực hiện theo đúng quy định pháp luật và đảm bảo toàn thể người lao động đều được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm.

Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	911,13	890,90	883,72
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	163,97	168,77	68,26
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	99,42	91,16	98,63
4	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	92,82	85,23	98,80
5	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	0,13	(1,87)	(0,05)
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	99,55	89,29	98,58
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	91,56	81,64	94,35

Trong giai đoạn 2018 đến 2020 ta có thể thấy rằng: tổng tài sản của Công ty giảm từ 911,13 tỷ đồng còn 883,72 tỷ đồng. Doanh thu thuần có sự biến động từ 163,97 tỷ đồng năm 2018 tăng lên là 168,77 tỷ đồng năm 2019 nhưng giảm xuống còn 68,26 tỷ đồng năm 2020 do

dịch bệnh Covid -19 nguồn thu chủ yếu của Công ty đến từ hoạt động tour du lịch giảm mạnh. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2020 đạt tới 98,63 tỷ đồng cao hơn 2019 đến 7, 47 tỷ đồng. Lợi nhuận từ hoạt động tài chính năm 2020 đạt 98,80 tỷ đồng cao nhất trong giai đoạn 2018-2020.

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	544,91	535,56	459,67
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	366,22	355,33	424,06
Tổng Tài sản	Tỷ đồng	911,13	890,90	883,72
Tỷ trọng Tài sản ngắn hạn	%	60%	60%	52%
Tỷ trọng Tài sản dài hạn	%	40%	40%	48%

Cơ cấu tài sản của công ty vẫn không thay đổi khi tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng cao hơn tài sản dài hạn, tuy nhiên năm 2020 tỷ trọng tài sản ngắn hạn giảm so với những năm trước đó. Do bởi, năm 2020 các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho giảm Trong khi đó tài sản dài hạn lại chiếm tỷ trọng cao hơn so với các năm trước do bởi đầu tư tài chính dài hạn năm 2020 tăng hơn 80,622 tỷ đồng so với năm 2019.



Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Nợ phải trả	Tỷ đồng	52,04	48,76	25,30
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	859,08	842,14	858,42
Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	911,13	890,90	883,72
Tỷ trọng Nợ phải trả	%	6%	5%	3%
Tỷ trọng Vốn chủ sở hữu	%	94%	95%	97%

Đối với cơ cấu nguồn vốn: Vốn chủ sở hữu vẫn chiếm tỷ trọng gần như tuyệt đối và tăng qua các năm (2018 là 94%, 2019 là 95%, 2020 là 97%), ngược lại nợ phải trả của Công ty chiếm tỷ trọng nhỏ và giảm trong giai đoạn 2018-2020 (từ 6% năm 2018 giảm còn 3% năm 2020).

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

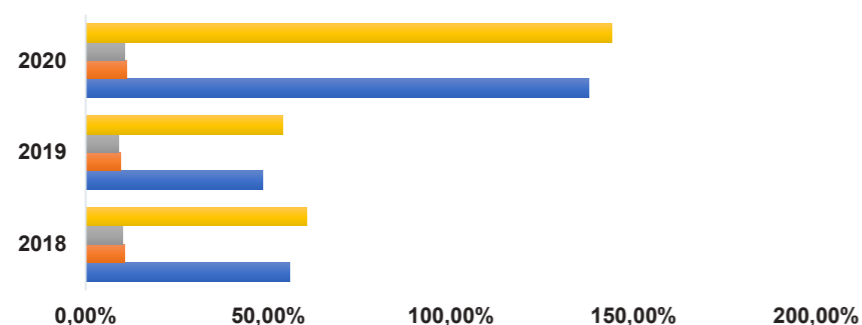
Các chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019	2020	Thay đổi năm 2020-2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	11,602	13,326	25,781	12,46
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	11,590	13,316	25,745	12,43
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
- Hệ số nợ/tổng tài sản	%	5,71%	5,47%	2,86%	-0,03
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	6,06%	5,79%	2,95%	-0,03
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	291,57	289,05	123,88	-165,17
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	0,18	0,19	0,08	-0,11
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	55,84%	48,37%	138,21%	0,90
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	10,66%	9,69%	10,99%	0,01
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS (ROA)	%	10,48%	9,16%	10,68%	0,02
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	60,63%	54,01%	144,48%	0,90

Hệ số thanh toán nhanh và Hệ số thanh toán ngắn hạn trong năm 2020 đạt lần lượt là 25,745 và 25,781, chênh lệch lần lượt 12,43 và 12,46 so với chỉ số của năm liền trước. Trong cơ cấu vốn, hệ số nợ/tổng tài sản và hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu giảm so với năm ngoái, nợ chiếm 2,86 % tổng giá trị tài sản của công ty, nợ chiếm 2,95% vốn chủ sở hữu. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: doanh thu thuần trên tổng tài sản không có sự thay đổi nhiều, vòng quay hàng tồn kho giảm hơn một nửa

so với năm 2019. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lợi ở mức khá cao và tăng so với năm liền trước.

Chỉ số ROA tăng 2% so với năm trước, nguyên nhân do lợi nhuận sau thuế tăng khối lượng tài sản tăng mạnh kịp khai thác để tạo ra hiệu quả kinh tế.

Chỉ số ROE cũng tăng 1 % so với năm trước do chi phí được hạch toán trong 2020 giảm. Biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng.



■ - Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần
 ■ - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS (ROA)
 ■ - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)
 ■ - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



CỔ ĐỒNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần: Tại ngày 31/12/2020

- Tên cổ phiếu: **Cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**
- Loại cổ phiếu: **Cổ phiếu phổ thông**
- Mã chứng khoán: **TSJ**
- Mệnh giá cổ phiếu: **10,000 đồng/cổ phiếu**
- Ngày bắt đầu niêm yết/ đăng ký giao dịch: **01/08/2017**
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: **74.797.400 cổ phiếu**
- Tổng số cổ phiếu quỹ: **2.600 cổ phiếu**
- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: **53.803.000 cổ phiếu**
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: **20.991.800 cổ phiếu**

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Số lượng cổ đồng	Cơ cấu cổ đồng	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đồng Nhà nước	33.803.000	45,19	1	1	-
	Cổ đồng lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)	20.000.000	26,74	1	1	-
2	- Trong nước	20.000.000	26,74	1	1	-
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	2.600	0,0035	1	1	-
	Cổ đồng khác	20.994.400	28,07	173	0	173
7	- Trong nước	20.994.400	28,07	173	0	173
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG		74.800.000	100			
Trong đó: - Trong nước		74.800.000	100	176	3	173
- Nước ngoài		-	-	-	-	-

Nhìn chung cổ phiếu của Công ty năm 2020 có nhiều biến động về giá cả và khối lượng tuy nhiên chủ yếu ảnh hưởng bởi tình hình dịch bệnh Covid chung trong năm.



4

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2021

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2020, trước sự ảnh hưởng nặng nề từ dịch bệnh Covid-19, Công ty đã tập trung thực hiện các giải pháp, chính sách linh hoạt, phù hợp nhằm thực hiện tốt “nhiệm vụ kép”: vừa kiểm soát dịch bệnh, vừa duy trì ổn định kinh doanh, nỗ lực vượt qua giai đoạn khó khăn. Ban Tổng giám đốc đã luôn bám sát sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, cùng với sự nỗ lực quyết tâm cao của toàn thể cán bộ nhân viên, nhờ đó đã giúp cho chúng ta tận dụng được tối đa những mặt thuận lợi, khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Chỉ tiêu	Thực hiện (đồng)		KH 2020 (đồng)	Tỷ lệ (%)	
	2019	2020		So với KH	So với 2019
Doanh thu thuần	168.771.969.283	68.264.490.021	90.000.000.000	-24,15%	-59,55%
Lợi nhuận trước thuế	89.290.996.365	98.576.711.927	76.000.000.000	29,71%	10,40%
Lợi nhuận sau thuế	81.641.236.282	94.345.380.369	71.220.000.000	32,47%	15,56%

Với những nỗ lực không ngừng, kết quả đạt được năm 2020 rất đáng khích lệ. Lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 29,71% so với kế hoạch đặt ra năm 2020 và tăng 10,40% so năm 2019. Lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng 15,56% so với năm 2019 và vượt kế hoạch đề ra là 32,47%.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	544,91	535,56	459,67
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	366,22	355,33	424,06
Tổng Tài sản	Tỷ đồng	911,13	890,90	883,72
Tỷ trọng Tài sản ngắn hạn	%	60%	60%	52%
Tỷ trọng Tài sản dài hạn	%	40%	40%	48%

Chỉ tiêu	2019		2020		% Tăng trưởng
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	535,56	60,12%	459,67	52,00%	-14,17%
Tài sản dài hạn	355,33	39,88%	424,06	48,00%	19,34%
Tổng tài sản	890,90	100,00%	883,72	100,00%	-0,81%

Tổng tài sản của Công ty năm 2020 giảm 0,83% so năm 2019 cụ thể: tài sản ngắn hạn giảm 14,17% so năm 2019 nhưng tài sản dài hạn lại tăng 19,34% so năm 2019. Tuy nhiên cơ cấu tài sản của Công ty không có sự thay đổi so với năm trước. Điều này thể hiện các chính sách, kế hoạch kinh doanh của Công ty vẫn phát huy tính hiệu quả và ổn định trong bối cảnh có nhiều tác động tiêu cực từ bên ngoài.

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Nợ phải trả	Tỷ đồng	52,04	48,76	25,30
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	859,08	842,14	858,42
Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	911,13	890,90	883,72
Tỷ trọng Nợ phải trả	%	6%	5%	3%
Tỷ trọng Vốn chủ sở hữu	%	94%	95%	97%

Chỉ tiêu	2019		2020		% Tăng trưởng
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	40,19	82,42%	17,83	70,46%	-55,64%
Nợ dài hạn	8,57	17,58%	7,48	29,54%	-12,79%
Tổng nợ phải trả	48,76	100,00%	25,30	100,00%	-48,11%

Năm 2020, tổng nợ phải trả của Công ty giảm mạnh so với năm 2019. Nợ ngắn hạn năm 2020 là 17,83 tỷ đồng giảm 55,64% so với năm 2019 là 40,19 tỷ đồng. Nợ dài hạn năm 2020 giảm 12,79% so năm 2019 (năm 2020 là 7,48 tỷ đồng, năm 2019 là 8,57 tỷ đồng).

Điều đó cho thấy, Công ty đã kiểm soát tốt nợ phải trả trong năm 2020, tỷ lệ nợ phải trả/

tổng nguồn vốn được duy trì ổn định ở mức thấp 3% và giảm dần qua các năm (năm 2018 là 6%, năm 2019 là 5%). Công ty không chủ động sử dụng đòn bẩy tài chính do nhận định năm 2020 tình hình kinh doanh sẽ gặp nhiều khó khăn do từ những tháng đầu tiên của năm 2020 dịch bệnh Covid-19 đã bùng phát và ngày càng lan rộng.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2021

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021
1	Tổng doanh thu	89.925.710.957
2	Tổng LN kinh doanh trước thuế	31.251.776.478
3	Tổng LN kinh doanh sau thuế	24.796.021.183

Để thực hiện kế hoạch năm 2021 đề ra, Ban Tổng Giám đốc xác định tập trung thực hiện đồng bộ các biện pháp:

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng;
- Tăng cường công tác quản lý công nợ, kiểm soát chi phí.
- Giao chỉ tiêu kế hoạch tới từng đơn vị, từng cá nhân.
- Giám sát chất lượng dịch vụ, coi trọng chất lượng hơn số lượng.

- Tập trung nâng cao tính đa dạng, hữu ích, đầy đủ của các báo cáo quản trị, công tác dự báo và đầu tư mở rộng, đánh giá hiệu quả sau đầu tư nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý, điều hành.

- Cải tiến và nâng cao chất lượng môi trường làm việc, thường xuyên quan tâm chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho người lao động góp phần tạo sự gắn kết giữa các cá nhân và gắn kết với chiến lược phát triển chung của Công ty.

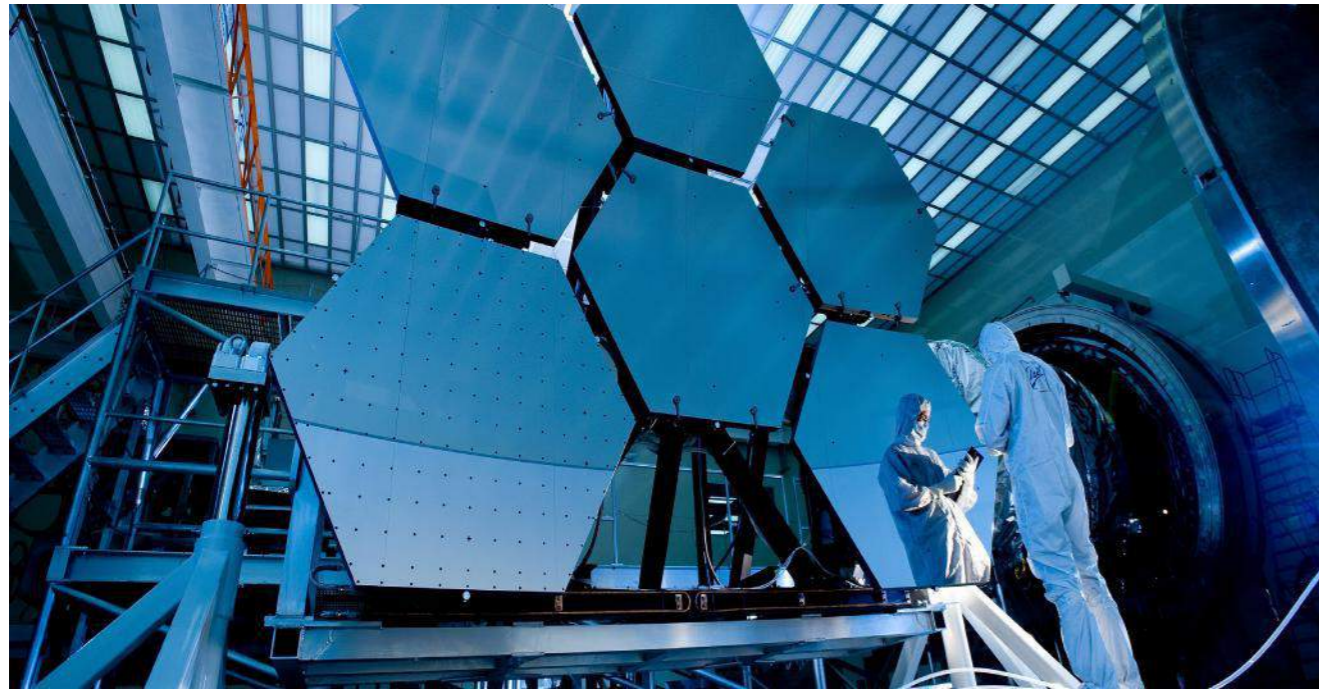
5

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, ngành

Năm 2020 là một năm đầy khó khăn đối với nền kinh tế trên thế giới. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế là 2,91% năm 2020, khu vực dịch vụ tăng 2,34%, đóng góp 33,5%. Tuy tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2020 chỉ 2,91% nhưng Việt Nam vẫn thuộc nhóm có mức tăng trưởng cao nhất thế giới.

Đối với ngành du lịch và dịch vụ nói riêng, có thể nói năm 2020 là một năm đầy khó khăn chưa từng có tiền lệ do dịch bệnh Covid-19 hoành hành. Điều đó thể hiện qua số lượt khách quốc tế đến Việt Nam cả năm 2020 chỉ đạt 3,8 triệu lượt người, giảm 78,7% so với năm trước, khách quốc tế đến Việt Nam chủ yếu là các chuyên gia, lao động kỹ thuật nước ngoài làm việc tại các dự án ở Việt Nam.

Năm 2020, mặc dù trên thế giới dịch bệnh diễn biến rất phức tạp, tuy nhiên Việt Nam với sự kiểm soát tốt tình hình dịch bệnh Covid-19 trong nước nên hoạt động thương mại và dịch vụ tiêu dùng vẫn đạt mức tăng cao trong những tháng cuối năm; hoạt động vận tải trong nước dần phục hồi nhưng vận tải ngoài nước và du lịch còn gặp nhiều khó khăn. Cụ thể như sau: Bán buôn và bán lẻ tăng 5,53%

so với năm trước, ngành vận tải, kho bãi giảm 1,88%, ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 14,68%.



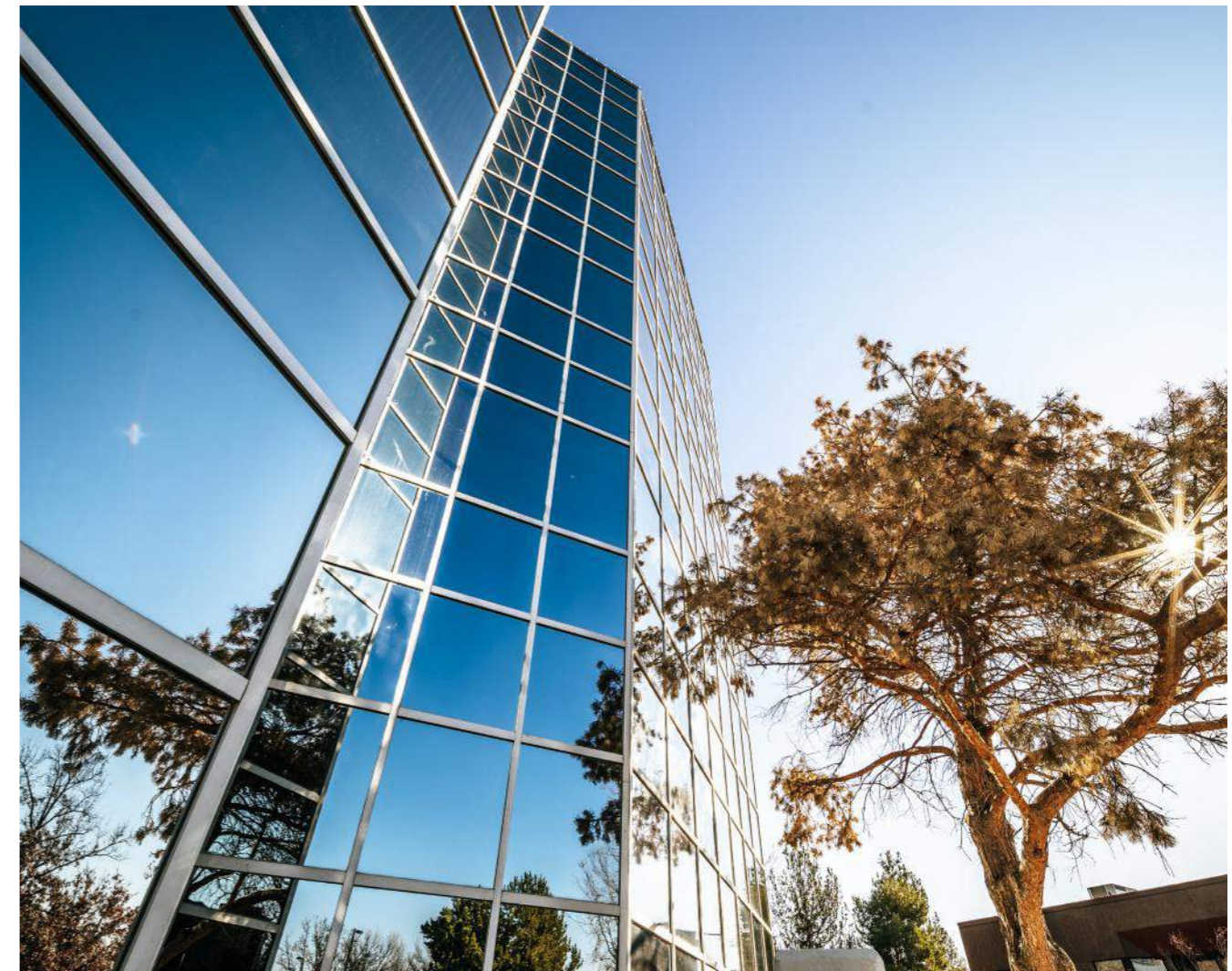
Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Nhìn chung trong năm 2020, hoạt động kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn được duy trì ổn định. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm mạnh, tuy nhiên nguyên nhân lớn chủ yếu do yếu tố khách quan bởi tác động của dịch bệnh Covid-19. Các khoản chi phí hoạt động giảm so với các năm trước, điều đó phản ánh việc Công ty đã kiểm soát chi phí tốt, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Đánh giá công tác tổ chức nhân sự

- Chất lượng nguồn nhân lực luôn được Công ty chú trọng, thường xuyên cử cán bộ nhân viên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo tính chất công việc;
- Sắp xếp bố trí lao động hợp lý, xây dựng đội ngũ người lao động lành nghề, thạo việc, đáp ứng các yêu cầu công việc theo vị trí công tác.
- Công ty luôn giữ được sự ổn định, đoàn kết của cán bộ nhân viên trong lao động sản xuất; không ngừng cải thiện cơ sở vật chất và điều kiện làm việc, nâng cao phúc lợi, chăm lo cho đời sống vật chất và tinh thần, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động.

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	163,97	168,77	68,26
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	128,36	135,56	44,55
Chi phí hoạt động	Tỷ đồng	29,01	27,28	23,89
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	99,55	89,29	98,58
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	91,56	81,64	94,35



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Những mặt làm được

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc, Ban Điều hành và kết quả thực tế tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh, HĐQT ghi nhận kết quả như sau:

- Dưới sự chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành, Công ty đã đạt được các mục tiêu kinh doanh năm 2020 đã đề ra.
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh được thực hiện và điều chỉnh phù hợp, bám sát với tình hình thực tế. Hệ thống tổ chức, kiểm soát và quản lý, điều hành của Ban điều hành Công ty đã phát huy được hiệu quả.
- Triển khai thực hiện tốt các hoạt động theo ủy quyền, phù hợp với các nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ và HĐQT.
- Bên cạnh sản xuất kinh doanh, Ban Tổng giám đốc Công ty đã thực hiện tốt các trách nhiệm xã hội, trách nhiệm cộng đồng; đảm bảo hài hòa các lợi ích của Công ty, cổ đông và người lao động.



Những mặt chưa làm được và nguyên nhân

Mặc dù năm 2020, về tổng thể Công ty đã đạt được mục tiêu kế hoạch đề ra nhưng vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế đòi hỏi Ban Lãnh đạo cần chú trọng hơn trong công tác dự báo tình hình, đồng thời chủ động nghiên cứu, xây dựng các phương án, giải pháp kinh doanh tối ưu để kịp thời ứng phó trong trường hợp có những biến động ảnh hưởng đến loại hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

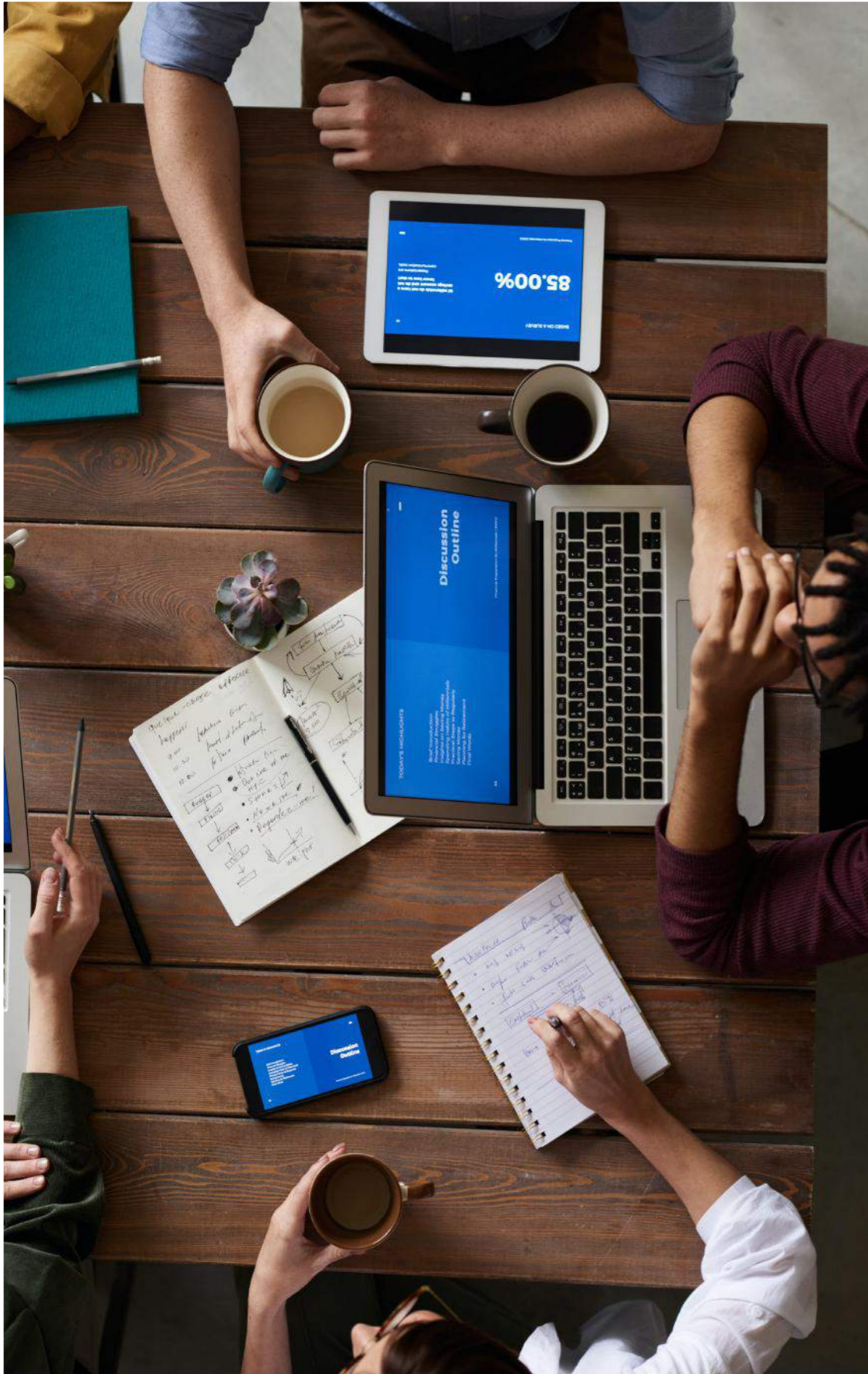
KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chi tiêu kế hoạch năm sau

Chỉ tiêu	Đơn vị	TH năm 2020	KH năm 2021	% Chênh lệch
Doanh thu thuần	đồng	68.264.490.021	89.925.710.957	32%
Lợi nhuận trước thuế	đồng	98.576.711.927	31.251.776.478	-68%
Lợi nhuận sau thuế	đồng	94.345.380.369	24.796.021.183	-74%

Phương hướng thực hiện:

- Định hướng nhiệm vụ kinh doanh của Công ty là tiếp tục duy trì sự ổn định và phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả kinh doanh đồng thời khắc phục những khó khăn còn tồn tại để đáp ứng kịp thời với xu thế phát triển của thị trường trong nước cũng như thế giới.
- Đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động Marketing và đầu tư mở rộng thị trường để quảng bá thương hiệu. Tiếp tục giữ vững, nâng cao vị thế và uy tín của Công ty, nâng cao năng lực cạnh tranh trong mọi lĩnh vực hoạt động.
- Nâng cao hơn nữa kỹ năng quản trị tài chính, quản trị nguồn nhân lực của đội ngũ lãnh đạo Công ty, triển khai áp dụng khoa học công nghệ và các phần mềm quản lý để nâng cao năng lực quản lý, điều hành và kiểm soát hệ thống, nâng cao tính minh bạch, công khai trong công tác quản trị doanh nghiệp.
- Phấn đấu giữ vững sự ổn định của Công ty, sự ủng hộ của cả các cổ đông và người lao động, sự quan tâm, giúp đỡ của các cơ quan ban ngành, từng bước cải thiện cơ sở vật chất, điều kiện làm việc; nâng cao phúc lợi, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ nhân viên.



6

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BAN KIỂM SOÁT
GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BAN KIỂM SOÁT
TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Minh Chung	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2	Bà Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
3	Ông Lê Minh Thành	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
4	Bà Lê Thanh Hà	Thành viên Hội đồng Quản trị
5	Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thành viên Hội đồng Quản trị
6	Ông Trần Ngọc Tiến	Thành viên Hội đồng Quản trị
7	Bà Vũ Thị Quỳnh Trang	Thành viên Hội đồng Quản trị

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Minh Chung	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	7/7	100%
2	Bà Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	7/7	100%
3	Ông Lê Minh Thành	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	7/7	100%
4	Bà Lê Thanh Hà	Thành viên Hội đồng Quản trị	7/7	100%
5	Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thành viên Hội đồng Quản trị	7/7	100%
6	Ông Trần Ngọc Tiến	Thành viên Hội đồng Quản trị	7/7	100%
7	Bà Vũ Thị Quỳnh Trang	Thành viên Hội đồng Quản trị	7/7	100%

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	Số NQ/QĐ	Thời gian	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	10/01/2020	V/v chi lương tháng thứ 13 cho CBNV dịp tết Nguyên đán 2020
2	02/NQ-HĐQT	15/01/2020	V/v bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty
3	01/QĐ-HĐQT	15/01/2020	V/v bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty
4	03/NQ-HĐQT	17/03/2020	V/v tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
5	04NQ-HĐQT	13/05/2020	V/v thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
6	05/NQ-HĐQT	15/05/2020	V/v lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán BCTC năm 2020
7	06/NQ-HĐQT	04/06/2020	-Thông qua KQKD năm 2019 và BCTC năm 2019 đã được kiểm toán. -Thông qua chương trình và dự báo tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2020.
8	07/NQ-HĐQT	15/07/2020	Thông qua phương án chi thù lao HĐQT, BKS, BDH năm 2019 đã được ĐHĐCĐ thông qua.
9	08/NQ-HĐQT	03/09/2020	V/v chấm dứt hoạt động chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.
10	09/NQ-HĐQT	11/09/2020	V/v thông qua dự thảo tài liệu họp với CTCP Du lịch và TM Sao Phương Đông
11	10/NQ-HĐQT	03/10/2020	Phê duyệt ủy quyền hạn mức của Tổng Giám đốc
12	11/NQ-HĐQT	17/12/2020	V/v phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2021.

HĐQT đã trực tiếp kiểm tra, đánh giá các kết quả hoạt động của Công ty, chỉ đạo thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính theo định hướng bảo toàn được nguồn vốn sở hữu và đem lại hiệu quả - lợi nhuận, luôn bám sát

tình hình thực tế của Công ty để kịp thời đề ra các chủ trương, nghị quyết, quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng giám đốc hoàn thành nhiệm vụ của mình



GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thưởng và thù lao
1	Nguyễn Minh Chung	Chủ tịch HĐQT	448.151.120
2	Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch HĐQT	345.863.340
3	Lê Minh Thành	Phó Chủ tịch HĐQT	345.863.340
4	Trần Ngọc Tiến	Thành viên HĐQT	690.114.877
5	Lê Thanh Hà	Thành viên HĐQT	256.575.560
6	Vũ Thị Quỳnh Trang	Thành viên HĐQT	256.575.560
7	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thành viên HĐQT	193.287.780
8	Nguyễn Thị Thu Hằng	Thành viên HĐQT	-
9	Nguyễn Kim Hà	Tổng Giám đốc	850.734.651
10	Trịnh Minh Tú	Phó Tổng Giám đốc	505.442.266
11	Vũ Hoài Châu	Phó Tổng Giám đốc	351.737.154

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ:
Không có

TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tuân thủ quy định về quản trị công ty

- Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời.
- Thiết lập khuôn khổ để thực hiện hiệu quả quyền của cổ đông.
- Tăng cường hoạt động công bố thông tin nhằm đảm bảo quá trình trao đổi hiệu quả, minh bạch
- Công ty thực hiện việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Điều này giúp công ty có cái nhìn rõ ràng hơn về khả năng sinh lời của từng lĩnh vực để có kế hoạch điều chỉnh phù hợp.

Tăng cường hiệu quả quản trị công ty

- Kế hoạch đào tạo, học tập về quản trị công ty: Các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát được tạo điều kiện tham gia các khóa học, tập huấn về quản trị công ty do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tổ chức.
- Quan hệ nhà đầu tư: việc quản trị thông tin được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật; tuân thủ và thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về công bố thông tin đối với công ty đại chúng, đảm bảo quyền và lợi ích cho các cổ đông.
- Quản trị tài chính – Kế toán: áp dụng sử dụng hệ thống phần mềm kế toán, qua đó nâng cao chất lượng hiệu quả quản trị hoạt động tài chính – kế toán của Công ty.
- Quản trị nhân sự: Nâng cao hiệu quả trong quản trị nhân sự, nghiên cứu áp dụng phần mềm quản lý nhân sự chuyên nghiệp thay thế phương pháp quản trị hiện tại.

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Trần Xuân Sơn	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Đào Thị Hiền	Thành viên Ban kiểm soát
3	Bà Nguyễn Thị Hiền	Thành viên Ban kiểm soát

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Ông Trần Xuân Sơn	Trưởng Ban kiểm soát	3/3	100%
2	Bà Đào Thị Hiền	Thành viên Ban kiểm soát	3/3	100%
3	Bà Nguyễn Thị Hiền	Thành viên Ban kiểm soát	3/3	100%

Các hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2020, BKS đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp giao ban của Ban Tổng Giám đốc để nắm bắt tình hình hoạt động SXKD, công tác đầu tư và quản lý tài sản; tham gia ý kiến, kiến nghị với HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của mình.

Giám sát, kiểm tra quản lý và thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty, của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của hoạt động SXKD năm 2020 theo đúng các Nghị quyết/quyết định của ĐHCĐ.

Kiểm tra và giám sát việc ban hành các nghị quyết/quyết định của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty; Chủ động lập kế hoạch kiểm soát và triển khai thực hiện kế hoạch theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Tổ chức các đợt kiểm tra thực tế tại các đơn vị trực thuộc Công ty và đề xuất ý kiến, kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý tài chính kế toán và hiệu quả SXKD tại các đơn vị trực thuộc.

Giám sát việc thực thi công bố thông tin theo quy định của luật chứng khoán và các quy định của pháp luật có liên quan; xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

Giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty đã ban hành.

Chủ động phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng/ban chuyên môn trong công việc.

Ban Kiểm soát đã chủ động phối hợp với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban chức năng để thực hiện công việc kiểm tra, giám sát; Đưa ra các ý kiến, kiến nghị kịp thời để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

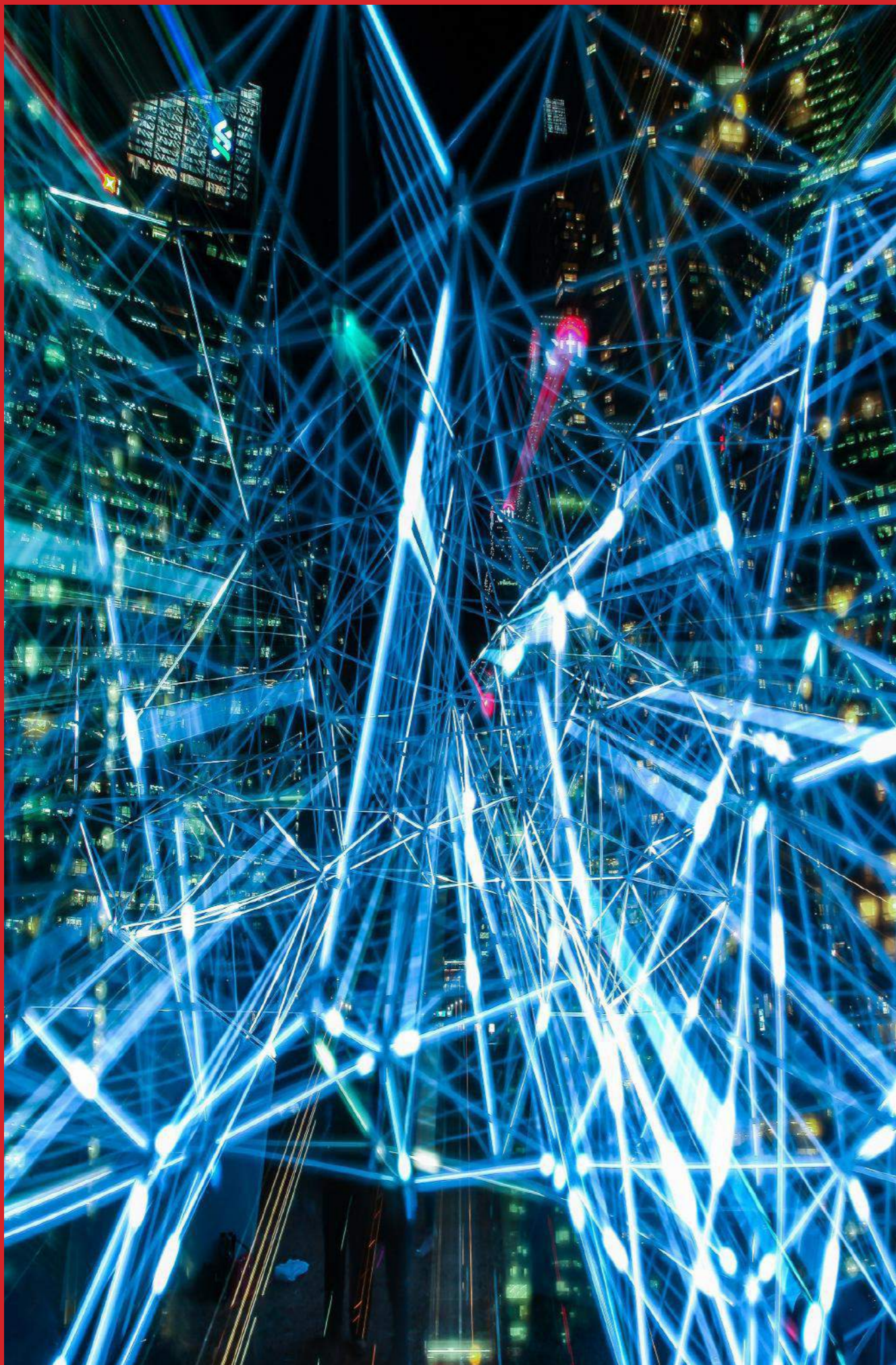
Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý tại các phòng ban, đơn vị trong Công ty để BKS hoàn thành nhiệm vụ của mình.

7

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC





MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Công ty gắn phát triển du lịch bền vững với tăng trưởng xanh, bám sát theo yêu cầu xuyên suốt của Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 - tầm nhìn đến năm 2050 của Viện Nghiên cứu phát triển du lịch

Gắn phát triển du lịch với bảo tồn sự đa dạng thiên nhiên, đặt trong quy hoạch tổng thể của kinh tế xã hội, thu hút sự tham gia của cộng đồng đại phương vào phát triển bền vững du lịch. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn sẵn lòng thực hiện trách nhiệm xã hội của công ty, đảm bảo việc làm và an sinh xã hội.

Đánh giá các hoạt động liên quan đến môi trường

Du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp, có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hóa rất cao. Sự tồn tại và phát triển du lịch gắn liền với môi trường, du lịch chỉ phát triển tốt khi môi trường được bảo vệ.

Bảo vệ môi trường là vấn đề có tầm quan trọng sống còn đối với hoạt động du lịch bởi môi trường không những là điều kiện để diễn ra các hoạt động du lịch mà còn là yếu tố quyết định sự hấp dẫn du lịch đó.

Công ty luôn có ý thức phát triển hoạt động kinh doanh đi kèm với bảo tồn đa dạng sinh học, khai thác có chọn lọc các điểm tham quan, du lịch, sử dụng tiết kiệm điện, nước, giữ vệ sinh nơi làm việc, ... Điều này được Công ty phổ biến đến từng cán bộ, công nhân viên để từ đó nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.

Công ty luôn có sự cộng tác với các nhà quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên và cộng đồng địa phương nhằm mục đích đóng góp vào việc bảo vệ một cách lâu dài các giá trị tự nhiên và văn hoá khu vực, cải thiện cuộc sống, nâng cao sự hiểu biết chung giữa người dân địa phương và du khách.

Đánh giá các hoạt động liên quan đến người lao động

Công ty luôn xác định yếu tố con người là cốt lõi, do vậy Công ty luôn chú trọng chính sách phát triển và quản lý nguồn nhân lực nhằm phát huy hết tiềm năng của người lao động, đóng góp vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Thường xuyên tạo điều kiện để cán bộ nhân viên tham gia các khóa đào tạo, tập huấn nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, đào tạo kỹ năng quản lý do các cơ quan ban ngành tổ chức để đáp ứng các yêu cầu công việc thực tế.

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động; bảo đảm điều kiện môi trường làm việc tốt để người lao động yên tâm công tác;

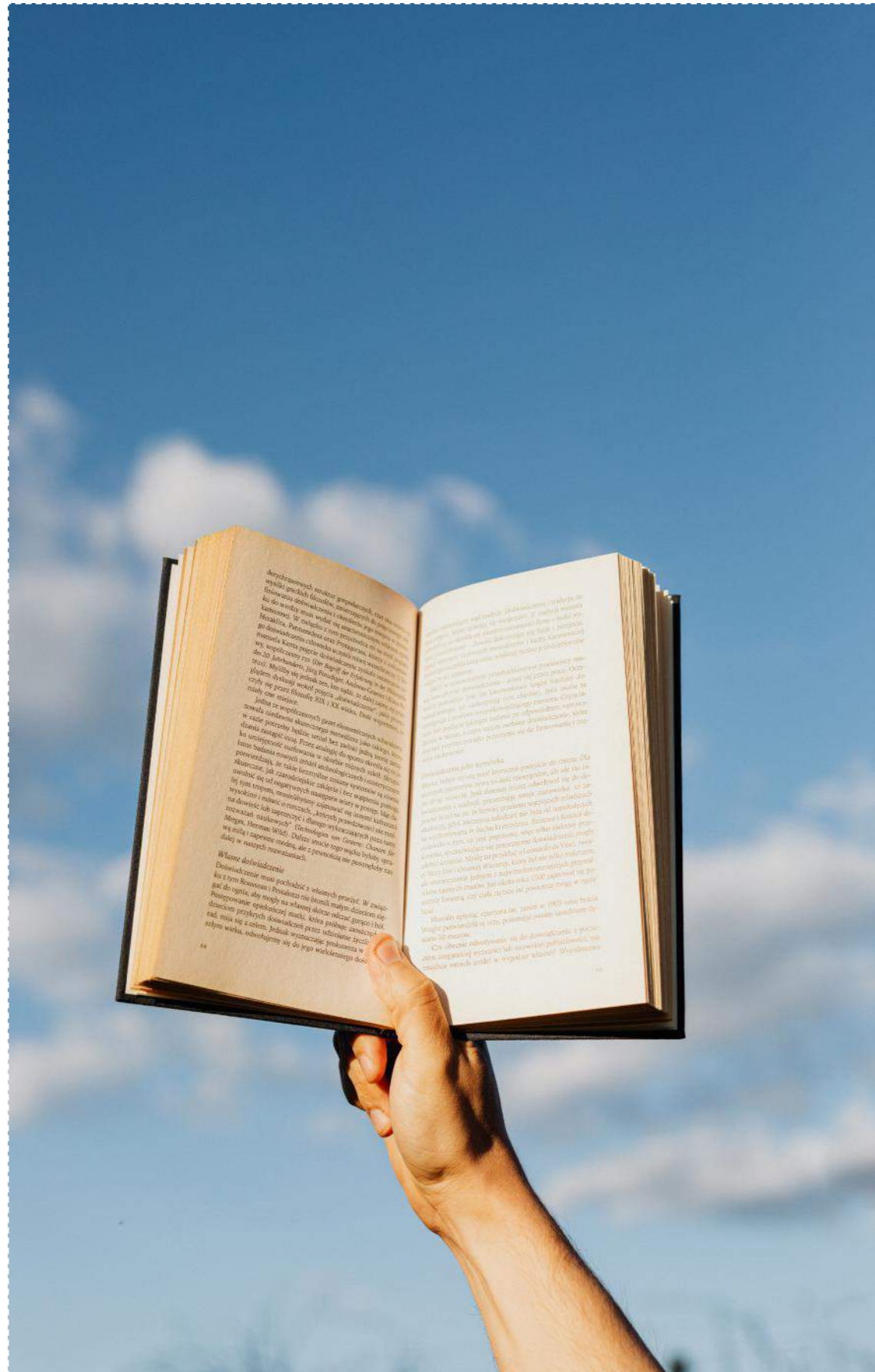
Chế độ phúc lợi ngày càng được nâng cao: việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ, tổ chức thăm quan nghỉ mát tái tạo sức lao động, tặng quà cho CBNV và con em nhân các dịp lễ tết; việc thăm hỏi ốm đau, hỗ trợ CBNV hoặc người thân gặp khó khăn luôn được quan tâm thực hiện tốt...qua đó đã góp phần hình thành các giá trị văn hóa của Công ty, đồng thời tạo sự tin tưởng, gắn bó của người lao động dành cho Công ty.

Đánh giá các hoạt động liên quan đến cộng đồng – xã hội

Công ty nhận thức được tầm quan trọng trong mối quan hệ của Công ty với cộng đồng – xã hội, hàng năm Công ty luôn trích một phần lợi nhuận cho hoạt động an sinh xã hội, ủng hộ, đóng góp vào các quỹ do các cấp, các ngành phát động; Quan tâm bảo vệ môi trường, thực hiện tốt trách nhiệm với nhà cung cấp; Bảo đảm an toàn và lợi ích cho người tiêu dùng; Quan hệ tốt với người lao động; Bảo đảm lợi ích cho cổ đông và người lao động trong Công ty.



ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



8

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Báo cáo tài chính cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thông tin Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số

0100107155

ngày 15 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (“Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Hà Nội. Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Hà Nội chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ngày 15 tháng 3 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh bốn lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100107155 ngày 9 tháng 10 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản sửa đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Minh Chung	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch
Ông Lê Minh Thành	Phó Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Tiến	Thành viên
Bà Lê Thanh Hà	Thành viên
Bà Vũ Thị Quỳnh Trang	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Kim Hà	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Minh Tú	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Hoài Châu	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15/1/2020)
Ông Trần Ngọc Tiến	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31/10/2020)

Ban Kiểm soát

Ông Trần Xuân Sơn	Trưởng Ban
Bà Đào Thị Hiền	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hiền	Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 273 Phố Kim Mã, Phường Giảng Võ
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2021



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 35.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		459.665.966.696	535.564.564.663
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	16.905.354.151	21.387.519.790
Tiền	111		6.705.354.151	9.587.519.790
Các khoản tương đương tiền	112		10.200.000.000	11.800.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		409.393.497.316	479.404.372.201
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	409.393.497.316	479.404.372.201
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.726.640.324	34.385.488.845
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	3.879.598.320	15.087.880.001
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	291.476.900	928.407.494
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	28.555.565.104	18.369.201.350
Hàng tồn kho	140		338.841.761	380.389.869
Hàng tồn kho	141		338.841.761	380.389.869
Tài sản ngắn hạn khác	150		301.633.144	6.793.958
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		301.297.884	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		335.260	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	6.793.958

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 250 + 260)	200		424.058.871.275	355.334.656.744
Các khoản phải thu dài hạn	210		699.202.250	717.202.250
Phải thu dài hạn khác	216		699.202.250	717.202.250
Tài sản cố định	220		5.791.322.951	6.277.000.556
Tài sản cố định hữu hình	221	10	5.791.322.951	6.277.000.556
Nguyên giá	222		24.999.707.915	24.999.707.915
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.208.384.964)	(18.722.707.359)
Bất động sản đầu tư	230	11	46.593.599.289	48.918.389.037
Nguyên giá	231		75.236.709.739	75.236.709.739
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(28.643.110.450)	(26.318.320.702)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		368.269.205.597	287.646.705.597
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252	6(c)	285.774.104.867	285.774.104.867
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(c)	1.872.600.730	1.872.600.730
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(b)	80.622.500.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		2.705.541.188	11.775.359.304
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	2.705.541.188	11.775.359.304
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)			883.724.837.971	890.899.221.407
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		25.304.667.682	48.761.382.035
Nợ ngắn hạn	310		17.829.523.638	40.190.035.122
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	452.148.632	1.217.137.703
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	174.613.640	1.776.343.689
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	1.065.951.468	1.849.829.754
Phải trả người lao động	314		740.143.983	882.698.649
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	1.691.300.952	3.413.664.071
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	3.529.338.533	4.261.736.765
Phải trả ngắn hạn khác	319	18(a)	8.852.828.944	25.097.445.399
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.323.197.486	1.691.179.092
Nợ dài hạn	330		7.475.144.044	8.571.346.913
Phải trả dài hạn khác	337	18(b)	7.475.144.044	8.571.346.913

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		858.420.170.289	842.137.839.372
Vốn chủ sở hữu	410	19	858.420.170.289	842.137.839.372
Vốn cổ phần	411	20	748.000.000.000	748.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		748.000.000.000	748.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.231.896.222	1.231.896.222
Cổ phiếu quỹ	415		(34.320.000)	(34.320.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	12.967.669.701	9.389.482.871
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		96.254.924.366	83.550.780.279
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.909.543.997	1.909.543.997
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		94.345.380.369	81.641.236.282
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)			883.724.837.971	890.899.221.407

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Dương Thị Như
 Phó phòng Kế toán

Người kiểm tra:



Tạ Ngọc Lãm
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Kim Hà
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	24	70.586.548.037	168.771.969.283
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	2.322.058.016	-
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	24	68.264.490.021	168.771.969.283
Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		44.548.564.080	135.560.088.490
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		23.715.925.941	33.211.880.793
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	100.577.560.281	85.739.088.677
Chi phí tài chính	22		1.772.760.532	510.914.466
Chi phí bán hàng	25	27	5.593.668.421	9.138.685.439
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	18.296.854.524	18.143.914.185
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		98.630.202.745	91.157.455.380
Thu nhập khác	31		11.402.964	883.134.043
Chi phí khác	32		64.893.782	2.749.593.058
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(53.490.818)	(1.866.459.015)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		98.576.711.927	89.290.996.365
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	4.231.331.558	7.649.843.720
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	30	-	(83.637)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		94.345.380.369	81.641.236.282
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.261	1.091

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Dương Thị Như
 Phó phòng Kế toán

Người kiểm tra:



Tạ Ngọc Lãm
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Kim Hà
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	98.576.711.927	89.290.996.365
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	2.810.467.353	3.030.539.232
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	207.556.504	5.802.622
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(99.092.915.956)	(85.430.150.667)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	2.501.819.828	6.897.187.552
Biến động các khoản phải thu	09	7.997.239.783	5.073.243.129
Biến động hàng tồn kho	10	41.548.108	177.182.851
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(9.280.644.169)	1.277.227.490
Biến động chi phí trả trước	12	8.768.520.232	7.933.359.961
		10.028.483.782	21.358.200.983
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.852.776.706)	(8.114.800.126)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(3.370.579.938)	(3.503.985.285)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.805.127.138	9.739.415.572
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền gửi có kỳ hạn	23	(758.249.185.295)	(1.536.352.338.703)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	24	751.789.841.907	1.506.337.529.328
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	88.421.441.665	86.719.695.376
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	81.962.098.277	56.704.886.001

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền trả cổ tức	36	(88.247.094.550)	(99.175.942.486)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(88.247.094.550)	(99.175.942.486)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(4.479.869.135)	(32.731.640.913)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	21.387.519.790	54.124.963.325
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(2.296.504)	(5.802.622)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70 5	16.905.354.151	21.387.519.790

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Dương Thị Như
 Phó phòng Kế toán

Người kiểm tra:



Tạ Ngọc Lãm
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Kim Hà
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch và hàng hóa;
- Kinh doanh ăn uống, đặc sản cao cấp và bình dân (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Hướng dẫn du lịch, phiên dịch; dịch vụ thông tin (trừ loại thông tin Nhà nước cấm);
- Dịch vụ vui chơi, giải trí, xông hơi xoa bóp (không bao gồm châm cứu, day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền);
- Kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà ở cho các đối tượng trong và ngoài nước;
- Kinh doanh thương mại xuất nhập khẩu tổng hợp;
- Lập dự án, đầu tư xây dựng và quản lý khu du lịch, khách sạn, khu đô thị, trung tâm thương mại dịch vụ;
- Các loại hình dịch vụ khác: cho thuê hoạt động (nấu ăn, phiên dịch, lái xe);
- Tổ chức hội nghị, hội thảo, kinh doanh hàng lưu niệm, tranh ảnh nghệ thuật, mỹ phẩm cao cấp; và
- May đo, giặt là, cắt uốn tóc, chăm sóc sắc đẹp, trang điểm (không bao gồm các dịch vụ gây chảy máu).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 4 đơn vị phụ thuộc (1/1/2020: 4 đơn vị phụ thuộc) như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
▪ Trung tâm Lữ hành	Số 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	Dịch vụ du lịch
▪ Chi nhánh Công ty Thành phố Hồ Chí Minh	Số 348 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ du lịch
▪ Xí nghiệp Dịch vụ Du lịch	Số 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	Kinh doanh ăn uống và dịch vụ khác
▪ Trung tâm Dịch vụ, Đại lý vé máy bay	Số 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	Đại lý vé máy bay

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 2 công ty liên doanh và 1 công ty liên kết (1/1/2020: 2 công ty liên doanh và 1 công ty liên kết) như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty liên doanh		
Công ty liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel	D8, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	Kinh doanh khách sạn
Công ty TNHH Global Tosserco	Số 40 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh khách sạn
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông	Số 269 Kim Mã, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	Kinh doanh khách sạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 85 nhân viên (1/1/2020: 93 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính này.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyên khoản (cho các khoản mục tài sản) và bán chuyển khoản (cho các khoản mục phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cho mục đích của báo cáo tài chính này, các khoản đầu tư vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyên	10 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 năm



Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá mua trừ chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của kỳ kế toán năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực hoặc cơ bản cố hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập

(m) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(n) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(o) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty liên doanh và liên kết của Công ty.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Công ty có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Cho thuê văn phòng: kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà ở cho các tổ chức và cá nhân;
- Vận hành tour du lịch: kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa và các dịch vụ liên quan; và
- Đại lý vé máy bay: kinh doanh vé máy bay.

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Tổng Giám đốc xác định rằng, hiện tại Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất đó là trong lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Cho thuê văn phòng VND	Vận hành tour du lịch VND	Đại lý vé máy bay VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần của bộ phận	43.969.768.265	13.400.554.641	10.894.167.115	68.264.490.021
Kết quả kinh doanh của bộ phận	21.416.339.323	770.029.924	1.529.556.694	23.715.925.941
Thụ nhập khác	99.794.293.733	550.542.518	244.126.994	100.588.963.245
Chi phí khác	(22.764.902.342)	(1.204.017.895)	(1.759.257.022)	(25.728.177.259)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(4.231.331.558)
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp				94.345.380.369

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Cho thuê văn phòng VND	Vận hành tour du lịch VND	Đại lý vé máy bay VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần của bộ phận	50.278.101.629	77.870.696.563	40.623.171.091	168.771.969.283
Kết quả kinh doanh của bộ phận	25.399.274.798	3.950.290.839	3.862.315.156	33.211.880.793
Thụ nhập khác	86.141.599.611	344.572.275	136.050.834	86.622.222.720
Chi phí khác	(23.794.473.962)	(3.494.413.058)	(3.254.220.128)	(30.543.107.148)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(7.649.843.720)
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	83.637
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp				81.641.236.282

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Cho thuê văn phòng VND	Vận hành tour du lịch VND	Đại lý vé máy bay VND	Tổng cộng VND
Tài sản của bộ phận	861.135.250.700	10.007.149.593	12.582.437.678	883.724.837.971
Nợ phải trả của bộ phận	24.090.777.579	470.261.601	743.628.502	25.304.667.682

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Cho thuê văn phòng VND	Vận hành tour du lịch VND	Đại lý vé máy bay VND	Tổng cộng VND
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	485.677.605	-	-	485.677.605
Khấu hao bất động sản đầu tư	2.324.789.748	-	-	2.324.789.748

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020

Tài sản của bộ phận	Cho thuê văn phòng VND	Vận hành tour du lịch VND	Đại lý vé máy bay VND	Tổng cộng VND
	861.475.493.176	15.810.039.058	13.613.689.173	890.899.221.407
Nợ phải trả của bộ phận	20.881.831.542	15.009.589.000	12.869.961.493	48.761.382.035

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Khấu hao tài sản cố định hữu hình	Cho thuê văn phòng VND	Vận hành tour du lịch VND	Đại lý vé máy bay VND	Tổng cộng VND
Khấu hao bất động sản đầu tư	1.333.261.138	-	-	1.333.261.138
	1.697.278.094	-	-	1.697.278.094



Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền mặt	64.284.862	72.054.506
Tiền gửi ngân hàng	6.641.069.289	6.467.465.284
Tiền đang chuyển	-	3.048.000.000
Các khoản tương đương tiền	10.200.000.000	11.800.000.000
	<hr/>	<hr/>
	16.905.354.151	21.387.519.790

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 tuần đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,25% đến 3,6% một năm (1/1/2020: 0,8% đến 5% một năm).

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại. Các khoản tiền gửi bằng VND hưởng lãi suất từ 3,7% đến 8,25% một năm (1/1/2020: 5,5% đến 8,4% một năm) và các khoản tiền gửi bằng USD hưởng lãi suất 0%/năm (1/1/2020: 0%/năm).

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi bằng USD có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á hưởng lãi suất 0%/năm (1/1/2020: Không).

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đầu tư tài chính dài hạn

	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	%	sở hữu	% quyền biểu quyết	31/12/2020 và 1/1/2020	
						Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:							
▪ Công ty liên doanh, liên kết							
• Công ty TNHH Global Tosserco	Hà Nội		35,00%	35,00%	209.672.714.716	-	(*)
• Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel	Hà Nội		29,58%	29,58%	61.365.277.633	-	(*)
• Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông	Hà Nội		40,00%	40,00%	14.736.112.518	-	(*)
					<u>285.774.104.867</u>	-	
Đơn vị khác							
• Công ty Cổ phần Hanoitourist Taxi	Hà Nội	13.000	5,20%	5,20%	1.872.600.730	-	(*)
					<u>287.646.705.597</u>	-	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, giá gốc các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty liên doanh, liên kết và đơn vị khác của Công ty là giá trị đánh giá lại được phê duyệt theo Quyết định số 7189/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội. Các khoản đầu tư này được Công ty định giá lại theo hướng dẫn của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (“Nghị định 59”), Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59 và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2014 hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty TNHH Yamaha Việt Nam	475.874.800	2.208.615.500
Công ty TNHH Ericsson Việt Nam	-	4.643.802.867
Các khách hàng khác	3.403.723.520	8.235.461.634
	3.879.598.320	15.087.880.001

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty TNHH Du lịch và dịch vụ Ngọc Trúc	141.372.000	-
IATA Vietnam Company Limited	63.114.000	-
Công ty TNHH MTV Khách sạn Quốc tế Bình Minh	50.700.000	-
Công ty TNHH MTV Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	-	115.166.000
Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại Du lịch Hồng Ngọc Hà	-	178.912.127
Khách sạn Đồng Khởi Grand Hotel	-	126.510.000
Công ty Cổ phần Cung ứng Nghiệp vụ Chất lượng cao Quốc tế	-	114.720.000
Khách sạn Le Meridien Sài Gòn	-	112.900.000
Các nhà cung cấp khác	36.290.900	280.199.367
	291.476.900	928.407.494

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải thu cổ tức	10.612.369.866	95.789.474
Lãi tiền gửi	11.522.833.330	11.367.939.431
Ký cược, ký quỹ	5.367.630.000	5.538.125.000
Tạm ứng cho nhân viên	77.148.000	492.500.000
Phải thu ngắn hạn khác	975.583.908	874.847.445
	28.555.565.104	18.369.201.350

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

D. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm và cuối năm	5.494.086.156	17.096.963.577	2.371.258.182	37.400.000	24.999.707.915
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.662.820.926	16.610.627.420	411.859.013	37.400.000	18.722.707.359
Khấu hao trong năm	181.293.156	67.258.629	237.125.820	-	485.677.605
Số dư cuối năm	1.844.114.082	16.677.886.049	648.984.833	37.400.000	19.208.384.964
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	3.831.265.230	486.336.157	1.959.399.169	-	6.277.000.556
Số dư cuối năm	3.649.972.074	419.077.528	1.722.273.349	-	5.791.322.951

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 18.076.893.914 VND (1/1/2020: 15.195.437.956 VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	75.236.709.739
<hr/>	
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	26.318.320.702
Khấu hao trong năm	2.324.789.748
<hr/>	
Số dư cuối năm	28.643.110.450
<hr/>	
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	48.918.389.037
Số dư cuối năm	46.593.599.289
<hr/>	

Trong bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các bất động sản đầu tư có nguyên giá 2.032.166.459 VND (1/1/2020: 2.032.166.459 VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Lợi thế kinh doanh VND	Chi phí địa chính VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	10.096.100.168	855.766.458	823.492.678	11.775.359.304
Tăng trong năm	-	-	82.500.000	82.500.000
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	(668.300.818)	(668.300.818)
Phân bổ trong năm	(8.355.393.240)	(36.158.880)	(92.465.178)	(8.484.017.298)
<hr/>				
Số dư cuối năm	1.740.706.928	819.607.578	145.226.682	2.705.541.188
<hr/>				

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư FLT	140.900.000	-
Công ty TNHH Đường Bay Vàng	120.700.000	-
Công ty Điện lực Ba Đình	103.850.846	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Ngôi Sao Đỏ	-	480.703.985
Công ty TNHH Xây dựng Dương Gia	2.637.074	156.729.950
Các nhà cung cấp khác	84.060.712	579.703.768
	452.148.632	1.217.137.703

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
International Study Programs, s.r.o	50.700.000	1.584.473.239
Khác	123.913.640	191.870.450
	174.613.640	1.776.343.689

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2020	Số phải nộp	Số đã nộp/ đã khấu trừ	31/12/2020
	VND	trong năm VND	trong năm VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	188.785.589	5.874.287.236	(5.985.046.144)	78.026.681
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.592.776.705	4.231.331.558	(4.852.776.706)	971.331.557
Thuế thu nhập cá nhân	68.267.460	1.540.339.716	(1.592.013.946)	16.593.230
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	6.450.919.821	(6.450.919.821)	-
Các loại thuế khác	-	17.000.000	(17.000.000)	-
	1.849.829.754	18.113.878.331	(18.897.756.617)	1.065.951.468

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Trích trước lương tháng 13, tiền thưởng và ăn trưa	1.241.534.412	2.385.314.859
Chi phí phải trả khác	449.766.540	1.028.349.212
	1.691.300.952	3.413.664.071

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn phản ánh số tiền các khách hàng đã trả trước tiền thuê văn phòng cho nhiều kỳ kế toán.

18. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Cổ tức phải trả	79.445.001	13.529.139.551
Lãi phải trả cho các nhà đầu tư cổ phần hóa (*)	4.218.116.684	6.702.864.939
Nhận ký quỹ, ký cược	2.639.185.324	2.495.139.827
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	1.267.659.067	1.004.607.947
Phải trả cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	396.098.076	1.175.483.297
Phải trả ngắn hạn khác	252.324.792	190.209.838
	8.852.828.944	25.097.445.399

(*) Ngày 11 tháng 3 năm 2019, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua Nghị quyết về chi trả tiền lãi với lãi suất 8,1%/năm cho các nhà đầu tư mua cổ phần của Công ty trong thời gian Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp kéo dài trên ba tháng kể từ ngày hết hạn nộp tiền mua cổ phần.

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Nhận ký quỹ, ký cược	7.475.144.044	8.571.346.913

Phải trả dài hạn khác phản ánh các khoản đặt cọc dài hạn từ các khách hàng thuê văn phòng của Công ty.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2019	748.000.000.000	1.231.896.222	(26.400.000)	4.811.331.015	105.066.178.122	859.083.005.359
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	81.641.236.282	81.641.236.282
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	4.578.151.856	(4.578.151.856)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.849.573.350)	(1.849.573.350)
Trích Quỹ thường Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(1.831.260.743)	(1.831.260.743)
Có tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	(94.897.648.176)	(94.897.648.176)
Mua lại cổ phiếu từ cán bộ nhân viên	-	-	(7.920.000)	-	-	(7.920.000)
Số dư tại ngày 1/1/2020	748.000.000.000	1.231.896.222	(34.320.000)	9.389.482.871	83.550.780.279	842.137.839.372
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	94.345.380.369	94.345.380.369
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	3.578.186.830	(3.578.186.830)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.632.824.726)	(1.632.824.726)
Trích Quỹ thường Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(1.632.824.726)	(1.632.824.726)
Có tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	(74.797.400.000)	(74.797.400.000)
Số dư tại ngày 31/12/2020	748.000.000.000	1.231.896.222	(34.320.000)	12.967.669.701	96.254.924.366	858.420.170.289

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	74.800.000	748.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành	74.800.000	748.000.000.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(2.600)	(34.320.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	74.797.400	747.974.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

21. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 22 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 74.797.400.000 VND (2019: 94.897.648.176 VND).

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	3.779.650,49	87.064.249.037	3.752.162,37	86.712.472.371
EUR	267,28	7.466.133	278,20	7.179.126
		<u>87.071.715.170</u>		<u>86.719.651.497</u>

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2020	2019
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu cho thuê văn phòng	46.291.826.281	50.278.101.629
▪ Doanh thu vận hành tour du lịch	13.400.554.641	77.870.696.563
▪ Doanh thu từ đại lý vé máy bay	10.894.167.115	40.623.171.091
	70.586.548.037	168.771.969.283
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(2.322.058.016)	-
	68.264.490.021	168.771.969.283
Doanh thu thuần	68.264.490.021	168.771.969.283

25. Giá vốn cung cấp dịch vụ

	2020	2019
	VND	VND
Giá vốn cho thuê văn phòng	22.553.428.942	24.878.826.831
Giá vốn vận hành tour du lịch	12.630.524.717	73.920.405.724
Giá vốn từ đại lý vé máy bay	9.364.610.421	36.760.855.935
	44.548.564.080	135.560.088.490
	44.548.564.080	135.560.088.490

26. Doanh thu thu hoạt tài chính

	2020	2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	29.651.066.625	31.198.271.435
Cổ tức, lợi nhuận được chia	69.441.849.331	54.231.879.232
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.484.644.325	308.938.010
	100.577.560.281	85.739.088.677
	100.577.560.281	85.739.088.677

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí bán hàng

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	4.693.267.716	8.270.887.189
Chi phí khấu hao	16.798.164	16.798.164
Chi phí dịch vụ mua ngoài	238.621.339	333.638.273
Chi phí bằng tiền khác	644.981.202	517.361.813
	<hr/> 5.593.668.421	<hr/> 9.138.685.439 <hr/>

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	7.933.956.768	7.875.310.712
Chi phí khấu hao	401.620.812	401.620.812
Chi phí dịch vụ mua ngoài	810.254.545	632.973.689
Chi phí khác	9.151.022.399	9.234.008.972
	<hr/> 18.296.854.524	<hr/> 18.143.914.185 <hr/>

29. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu	473.419.089	499.042.835
Chi phí nhân viên	16.484.927.509	20.217.749.235
Chi phí khấu hao	2.810.467.353	3.030.539.232
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.397.344.060	119.524.886.097
Chi phí khác	20.272.929.014	19.570.470.715
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	4.231.331.558	7.373.009.686
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	276.834.034
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	4.231.331.558	7.649.843.720
	<hr/>	<hr/>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020	2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	98.576.711.927	89.290.996.365
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	19.715.342.385	17.858.199.273
Thuế trên thu nhập không bị tính thuế	(13.888.369.866)	(10.993.207.957)
Thuế trên chi phí không được khấu trừ thuế	207.079.230	583.407.873
Thuế trên biến động các chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	10.707.619	(75.389.503)
Giảm trừ thuế	(1.813.427.810)	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	276.834.034
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế hiện hành	4.231.331.558	7.649.843.720
	<hr/>	<hr/>

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của luật thuế Thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ban hành ngày 25 tháng 9 năm 2020, tổng doanh thu của Công ty trong năm ít hơn 200 tỷ VND và do đó, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập hiện hành cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 94.345.380.369 VND (2019: 81.641.236.282 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 74.797.400 cổ phiếu (2019: 74.797.400 cổ phiếu).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này cho năm tiếp theo. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và trong năm kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2020	2019
	VND	VND
Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel		
Cổ tức	53.061.849.331	35.865.928.103
Cung cấp dịch vụ	16.121.273	1.265.736.361
Mua hàng hóa	30.130.455	-
Mua dịch vụ	6.795.454	-
Công ty TNHH Global Toserco		
Cổ tức	16.380.000.000	18.270.161.655
Cung cấp dịch vụ	38.608.274	2.217.416
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông		
Cung cấp dịch vụ	3.113.638	5.404.546
Hội đồng Quản trị Ông Nguyễn Minh Chung – Chủ tịch		
Lương, thưởng và thù lao	448.151.120	476.732.422
Bà Nguyễn Thị Nga – Phó Chủ tịch		
Lương, thưởng và thù lao	345.863.340	367.299.317
Ông Lê Minh Thành – Phó Chủ tịch		
Lương, thưởng và thù lao	345.863.340	367.299.317
Ông Trần Ngọc Tiến – Thành viên		
Lương, thưởng và thù lao	690.114.877	860.012.693

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Bà Lê Thanh Hà – Thành viên Lương, thưởng và thù lao	256.575.560	270.866.211
Bà Vũ Thị Quỳnh Trang – Thành viên Lương, thưởng và thù lao	256.575.560	270.866.211
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh – Thành viên Lương, thưởng và thù lao	193.287.780	70.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Thành viên Lương, thưởng và thù lao	-	200.866.211
Ban Tổng Giám đốc Ông Nguyễn Kim Hà – Tổng Giám đốc Lương và thưởng	850.734.651	912.286.211
Ông Trịnh Minh Tú – Phó Tổng Giám đốc Lương và thưởng	505.442.266	559.992.969
Bà Vũ Hoài Châu – Phó Tổng Giám đốc Lương và thưởng	351.737.154	-

33. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Dương Thị Như
 Phó phòng Kế toán

Người kiểm tra:



Tạ Ngọc Lãm
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Kim Hà
 Tổng Giám đốc